

CNC¹



¹ Tham khảo thêm thông tin của CNC tại www.cnccounsel.com | CNC bảo lưu mọi quyền.

MỤC LỤC

I.	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN	1
1.	Tổng quát.....	1
2.	Vốn Đầu Tư.....	1
3.	Quản lý	2
4.	Cho Thuê Và Bán Doanh Nghiệp	2
4.1.	<i>Cho thuê Doanh nghiệp Tư nhân</i>	2
4.2.	<i>Bán Doanh nghiệp Tư nhân</i>	3
5.	Ưu điểm.....	4
6.	Nhược điểm.....	5
7.	Khi nào nên chọn DNTN	5
II.	CÔNG TY HỢP DANH.....	7
1.	Tổng quát.....	7
2.	Vốn góp và tài sản.....	8
3.	Cơ cấu tổ chức.....	8
3.1.	<i>Thành viên hợp danh</i>	8
3.2.	<i>Hội đồng thành viên</i>	9
3.3.	<i>Thành viên góp vốn</i>	9
4.	Cơ chế hoạt động.....	9
5.	Ưu điểm.....	10
6.	Nhược điểm.....	11
7.	Khi nào nên chọn CTHD.....	12
III.	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN.....	14
1.	Tổng quát.....	14
2.	Vốn điều lệ - vốn góp	15
3.	Chủ sở hữu.....	15
4.	Cơ cấu tổ chức.....	16
4.1.	<i>Mô hình tổ chức làm chủ sở hữu</i>	16
4.2.	<i>Mô hình chủ sở hữu là cá nhân</i>	17

5.	Cơ chế hoạt động.....	18
6.	Ưu điểm.....	18
7.	Nhược điểm.....	19
8.	Khi nào nên chọn công ty TNHH một thành viên.....	20
IV.	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN	22
1.	Tổng quát.....	22
2.	Vốn điều lệ - vốn góp	23
3.	Thành viên công ty.....	24
4.	Cơ cấu tổ chức	24
	4.1. <i>Hội đồng thành viên</i>	24
	4.2. <i>Giám đốc/Tổng giám đốc</i>	25
	4.3. <i>Ban kiểm soát</i>	25
5.	Cơ chế hoạt động.....	26
6.	Ưu điểm.....	26
7.	Nhược điểm.....	27
8.	Khi nào nên chọn loại hình công ty TNHH hai thành viên trở lên.....	29
V.	CÔNG TY CỔ PHẦN	30
1.	Tổng quát.....	30
2.	Vốn điều lệ.....	31
3.	Cổ phần – cổ đông	32
	3.1. <i>Cổ phần phổ thông – cổ đông phổ thông</i>	32
	3.2. <i>Cổ phần ưu đãi biểu quyết – cổ đông ưu đãi biểu quyết</i>	33
	3.3. <i>Cổ phần ưu đãi cổ tức – Cổ đông ưu đãi cổ tức</i>	35
	3.4. <i>Cổ phần ưu đãi hoàn lại – Cổ đông ưu đãi hoàn lại</i>	36
	3.5. <i>Chào bán cổ phần</i>	36
	3.6. <i>Chuyển nhượng cổ phần</i>	37
	3.7. <i>Mua lại cổ phần</i>	37
4.	Cổ tức.....	38
5.	Trái phiếu.....	38
6.	Cơ cấu tổ chức.....	39

6.1.	<i>Đại hội đồng cổ đông</i>	40
6.2.	<i>Hội đồng quản trị</i>	40
6.3.	<i>Giám đốc/Tổng giám đốc công ty</i>	41
6.4.	<i>Ban kiểm soát</i>	41
7.	<i>Cơ chế hoạt động</i>	42
7.1.	<i>Đại hội đồng cổ đông</i>	42
7.2.	<i>Hội đồng quản trị</i>	42
7.3.	<i>Giám đốc/Tổng giám đốc</i>	43
7.4.	<i>Ban kiểm soát</i>	43
8.	<i>Ưu điểm</i>	44
9.	<i>Nhược điểm</i>	45
10.	<i>Khi nào nên chọn loại hình doanh nghiệp CTCP</i>	46

GIỚI THIỆU

Bên cạnh những thế mạnh trong việc thu hút các nguồn lực đầu tư như nguồn nhân lực trẻ và dồi dào; thị trường tiêu thụ tiềm năng và là trung tâm của địa chính trị thế giới, Việt Nam cũng đã và đang nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư bằng việc liên tục thay đổi các quy định của pháp luật nhằm thích ứng với sự thay đổi của nền kinh tế và thúc đẩy các hoạt động đầu tư và kinh doanh.

Tiếp nối những điểm tích cực của Luật Doanh nghiệp 2005 đồng thời mở rộng hơn nữa quyền tự do kinh doanh đã được thể hiện trong Hiến pháp 2013, trong năm 2014, Việt Nam đã ban hành một loạt các đạo luật quan trọng về đầu tư và kinh doanh trong đó có Luật Doanh nghiệp 2014, bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1/7/2015.

Luật Doanh nghiệp 2014 quy định về nhiều vấn đề bao gồm việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp, bao gồm công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân; quy định về nhóm công ty. Tuy nhiên, Bản Tin Hàng Tuần số 10 này chỉ tập trung giới thiệu với Quý khách hàng về các loại hình doanh nghiệp phổ biến của Việt Nam theo Luật Doanh nghiệp 2014; giới thiệu về cơ cấu, quản lý và điều hành của từng loại hình doanh nghiệp qua đó đưa ra những đánh giá về lợi thế cũng như bất lợi của từng loại hình doanh nghiệp để khách hàng có thể cân nhắc và lựa chọn cho mình loại hình doanh nghiệp phù hợp nhất.

Ở phần cuối của Bản Tin Hàng Tuần này, CNC nêu một số trình tự, thủ tục chung thành lập từng loại hình doanh nghiệp tại Việt Nam để Quý khách hàng tham khảo thực hiện.

CÁC THUẬT NGỮ

Trừ khi có quy định khác đi, các thuật ngữ được sử dụng trong Bản Tin Hàng Tuần này sẽ có ý nghĩa sau đây:

THUẬT NGỮ	GIẢI THÍCH
DNTN	: có nghĩa là Doanh Nghiệp Tư Nhân
TNHH	: có nghĩa là Trách Nhiệm Hữu Hạn
CTCP	: có nghĩa là Công Ty Cổ Phần
CTHD	: có nghĩa là Công Ty Hợp Danh
Luật Doanh nghiệp 2014	: có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014

THUẬT NGỮ

GIẢI THÍCH

Hiến Pháp 2013	:	có nghĩa là Luật Hiến Pháp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, được thông qua ngày 28 tháng 11 năm 2013
Luật chứng khoán 2006	:	có nghĩa là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010.
CMTND	:	có nghĩa là Chứng minh thư nhân dân.

I. DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

1. Tổng quát

DNTN là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp². Đây là loại hình doanh nghiệp có tổ chức quản lý tương đối đơn giản.

Theo các quy định của Luật Doanh nghiệp 2014, DNTN không có sự tách bạch giữa doanh nghiệp và chủ sở hữu của doanh nghiệp dưới các khía cạnh tài sản, trách nhiệm, quản trị, điều hành cũng như các quyền phái sinh. Có lẽ đây cũng là lý do mà tới thời điểm hiện nay, loại hình DNTN không được ưu tiên lựa chọn. Trên thực tế, cũng không thấy xuất hiện DNTN nào nổi bật trong hoạt động kinh doanh.

Để tránh những rủi ro có thể xảy ra từ việc chịu trách nhiệm vô hạn của DNTN, pháp luật chỉ cho phép mỗi cá nhân thành lập một DNTN duy nhất và đồng thời không được là chủ hộ kinh doanh, thành viên công ty hợp danh. DNTN phải chịu trách nhiệm vô hạn đối với mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

Ngoài ra, do tính chất phụ thuộc và không độc lập, không tách biệt với chủ sở hữu của DNTN nên Luật doanh nghiệp 2014 cũng không cho phép DNTN được quyền góp vốn thành lập hoặc mua cổ phần, phần vốn góp trong công ty hợp danh, công ty TNHH hoặc CTCP³.

2. Vốn Đầu Tư

Vốn đầu tư của DNTN là nguồn vốn của chủ sở hữu đầu tư vào tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp. Việc tăng giảm vốn đầu tư đối với DNTN không bị giới hạn và phải thông báo cho Cơ quan Đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi⁴.

Đây là một lợi thế khi thực hiện việc tăng giảm vốn đầu tư của DNTN vì nó trao quyền chủ động cho chủ doanh nghiệp trong kinh doanh về thời gian cũng như công sức. Nhìn chung việc tăng giảm vốn đầu tư của DNTN khá tự do so với các loại hình doanh nghiệp khác. Điều này có thể được lý giải bởi việc tăng giảm vốn đầu tư của DNTN không ảnh hưởng nhiều đến việc chịu trách nhiệm và giải quyết hệ quả pháp lý trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nên pháp luật chỉ yêu cầu chủ doanh nghiệp phải ghi chép hoạt động tăng giảm vốn vào sổ kế toán và báo cáo tài chính mà không cần phải đăng ký với Cơ quan Đăng ký kinh doanh như những loại hình doanh nghiệp khác.

² Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 183.1.

³ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 183.3.

⁴ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 184, Nghị định 78/2015/NĐ-CP, Điều 50.

3. Quản lý

Chủ doanh nghiệp có thể trực tiếp hoặc thuê người khác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong trường hợp chủ doanh nghiệp không tự mình mà thuê người khác quản lý thì chủ doanh nghiệp vẫn phải chịu mọi trách nhiệm đối với các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Chính vì lý do này thông thường người được thuê quản lý phải là người được chủ doanh nghiệp rất tin tưởng về uy tín lẫn trình độ quản lý chuyên môn⁵.

Tính chất quản lý của DNTN là nhanh chóng, thường xuyên, toàn bộ và linh hoạt, không qua nhiều quy trình phức tạp như các loại hình doanh nghiệp khác, người điều hành trực tiếp trong doanh nghiệp sẽ đưa ra quyết định đối với từng vấn đề lớn nhỏ và tiến hành thực hiện ngay. Do đó chủ DNTN cần cân nhắc kỹ trong việc quyết định thuê người khác quản lý doanh nghiệp vì sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của doanh nghiệp.

Trên thực tế, tại Việt Nam tồn tại khá phổ biến cách quản lý DNTN theo mô hình gia đình vì đặc tính tin tưởng lẫn nhau, tuy nhiên cách quản lý theo mô hình gia đình thường dẫn đến tình trạng vị nể, năng suất làm việc không đạt hiệu quả cao.

DNTN không có tư cách pháp nhân nên không thể tự mình tham gia vào các quan hệ pháp luật. Đối với DNTN, chủ DNTN chính là đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, đại diện doanh nghiệp tham gia vào các giao dịch kinh doanh và bởi đặc điểm là không có tư cách pháp nhân nên khi DNTN xảy ra tranh chấp, chủ DNTN sẽ là nguyên đơn, bị đơn hoặc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài hoặc Tòa án⁶. Có thể nói trong DNTN, quyền, nghĩa vụ và lợi ích của doanh nghiệp gắn liền với quyền, nghĩa vụ và lợi ích của chủ doanh nghiệp.

4. Cho Thuê Và Bán Doanh Nghiệp

4.1. Cho thuê Doanh nghiệp Tư nhân

Nhằm đảm bảo được quyền lợi của mình, chủ DNTN khi cho thuê doanh nghiệp do mình làm chủ sở hữu, cần phải có Hợp đồng thỏa thuận rõ ràng và cặn kẽ với bên thuê về chế độ trách nhiệm của bên thuê và chủ sở hữu đối với kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Khi phát sinh trách nhiệm với bên thứ ba trong quá trình hoạt động kinh doanh, chủ doanh nghiệp vẫn sẽ chịu trách nhiệm vô hạn đúng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên sau đó chủ

⁵ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 185.

⁶ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014 Điều 185.3 185.4.

sở hữu có thể căn cứ vào các quy định trong hợp đồng thuê để yêu cầu bên thuê gánh vác rủi ro và đền bù đối với những khoản nghĩa vụ mà chủ sở hữu đã thực hiện với bên thứ ba⁷.

Cần hiểu rõ tính chất của giao dịch thuê DNTN, bên thuê doanh nghiệp không chỉ sử dụng và quản lý tài sản, cơ sở vật chất, nhân lực, các tài nguyên sẵn có của doanh nghiệp mà còn sử dụng khả năng, uy tín trí tuệ của chủ doanh nghiệp. Hoạt động giao dịch kinh doanh của bên thuê vẫn dựa trên uy tín, khả năng của chủ doanh nghiệp và pháp luật hoàn toàn không có quy định ràng buộc về quyền và nghĩa vụ giữa bên thuê và chủ doanh nghiệp. Mọi vấn đề phát sinh đều chỉ được giải quyết thông qua hợp đồng thuê doanh nghiệp.

4.2. *Bán Doanh nghiệp Tư nhân*

Bán DNTN là sự chuyển giao toàn bộ tài sản của doanh nghiệp cho một chủ sở hữu khác⁸. Về mặt thực tế thì tư cách pháp lý của DNTN gắn liền với tư cách cá nhân của chủ sở hữu. Do đó khi DNTN bị bán đi thì về bản chất cũng là chấm dứt sự tồn tại của doanh nghiệp, chủ sở hữu mới chỉ thừa hưởng về tên, tài sản và nguồn nhân lực của doanh nghiệp và phải tiến hành đăng ký kinh doanh lại với Cơ quan đăng ký kinh doanh khi chuyển giao doanh nghiệp và doanh nghiệp được đăng ký lại là một doanh nghiệp mới hoàn toàn, có tư cách pháp lý gắn liền với chủ doanh nghiệp mới.

Bán lại DNTN có thể giúp thu hồi vốn đầu tư gốc nhanh chóng, thủ tục đăng ký sang tên cũng khá gọn nhẹ so với thủ tục tuyên bố giải thể, phá sản. Đối với chủ sở hữu mới, việc tiếp nhận một doanh nghiệp sẵn có về cơ sở hạ tầng, máy móc, nhân lực... cũng là một sự thuận lợi không nhỏ so với việc phải tiến hành đăng ký kinh doanh lập một DNTN từ đầu và xây dựng về cơ sở vật chất, sắm mới máy móc, thiết bị và tìm kiếm nguồn nhân lực sẽ là giai đoạn khá khó khăn, nếu mua lại doanh nghiệp từ một cá nhân khác sẽ giảm được các bước khó khăn về đăng ký thành lập doanh nghiệp, có sẵn cơ sở vật chất đồng thời tận dụng nguồn khách hàng và thị phần sẵn có của doanh nghiệp cũ, chỉ cần thực hiện thủ tục sang tên chủ sở hữu và đăng ký kinh doanh lại ngành nghề cho phù hợp với hoạt động kinh doanh của mình trong trường hợp có sự thay đổi ngành nghề kinh doanh sau khi mua lại doanh nghiệp.

Cần lưu ý là việc bán DNTN thông thường chỉ dựa trên sự trùng lặp hoặc tương tự về ngành nghề kinh doanh giữa doanh nghiệp cũ và doanh nghiệp mới vì như vậy sẽ tạo ra nhiều thuận lợi hơn về cấu trúc tổ chức doanh nghiệp cả về cơ sở vật chất, thiết bị máy móc và nhân viên. Tại Việt Nam, hầu hết các DNTN là nhỏ và siêu nhỏ nên việc chuyển bán DNTN tương đối dễ thực hiện.

⁷ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 186.

⁸ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 187.

Một điểm cần lưu ý là việc bán DNTN không đồng nghĩa với việc sẽ chấm dứt toàn bộ trách nhiệm của chủ sở hữu, chủ sở hữu DNTN vẫn phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác phát sinh trong thời gian trước ngày chuyển giao doanh nghiệp, trừ trường hợp người mua, người bán và chủ nợ của doanh nghiệp có thỏa thuận khác. Do đó, thỏa thuận của các bên đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản phát sinh trước khi bán doanh nghiệp là một vấn đề đáng quan tâm, thông thường việc mua bán DNTN chỉ được các bên thống nhất sau khi chủ sở hữu đã thanh toán toàn bộ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của doanh nghiệp.

5. Ưu điểm

Ưu điểm dễ thấy nhất của DNTN là tính toàn quyền chủ động của chủ sở hữu trong việc điều hành, quản lý mọi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp vì DNTN ít chịu sự ràng buộc của pháp luật trong vấn đề quản lý nội bộ doanh nghiệp. Loại hình DNTN rất thích hợp cho những cá nhân muốn tự mình tiến hành kinh doanh, tự mình quyết định và không muốn có người khác cùng góp vốn. Chủ doanh nghiệp được tự mình quyết định phương hướng kinh doanh, chính sách phát triển doanh nghiệp, tăng giảm vốn đầu tư mà không cần phải có sự đồng ý của người khác và cũng không chịu bất kỳ sự kiểm soát nào, điều này đem lại quyền hạn khá lớn cho chủ DNTN so với chủ đầu tư ở các loại hình doanh nghiệp khác.

Một ưu điểm nữa cũng rất quan trọng của DNTN là chế độ chịu trách nhiệm vô hạn, việc chủ doanh nghiệp không chỉ chịu trách nhiệm về tài sản và các khoản nợ với bên thứ ba từ tài sản đầu tư vào doanh nghiệp mà còn bằng toàn bộ tài sản cá nhân của mình khiến cho DNTN tạo được sự tin tưởng cao cho các đối tác khi tham gia vào hoạt động kinh doanh và có tỷ lệ cạnh tranh khá cao so với đối thủ. Đối với các cuộc đấu thầu, nhờ vào chế độ chịu trách nhiệm vô hạn khiến cho DNTN rất dễ trúng thầu bởi sự tin tưởng của chủ thầu, chế độ chịu trách nhiệm này cũng giúp cho DNTN dễ dàng vay được những khoản tín dụng ngân hàng tạo nguồn vốn kinh doanh.

Pháp luật cho phép chủ sở hữu DNTN được tự do thuê và bán lại doanh nghiệp cũng là một thuận lợi cho DNTN so với các loại hình doanh nghiệp khác. Hiện nay, ngoại trừ các doanh nghiệp mang vốn nhà nước, pháp luật Việt Nam chỉ cho phép hoạt động thuê và bán doanh nghiệp đối với DNTN. Do đó, nếu chủ sở hữu DNTN muốn rút lui hoàn toàn khỏi hoạt động kinh doanh sẽ tương đối dễ dàng, trong khi đối với các loại hình doanh nghiệp khác, không thể có giao dịch thuê, bán doanh nghiệp thì các hoạt động rút vốn, chuyển nhượng vốn hay cổ phần đều khá phức tạp và chịu sự điều chỉnh chặt chẽ của các quy định pháp luật.

Ngoài ra, chủ sở hữu DNTN được tự do tăng giảm vốn điều lệ mà không cần đăng ký với Cơ quan kinh doanh cũng là một ưu điểm trong tính chất tự do hoạt động của DNTN so với các loại hình doanh nghiệp khác.

6. Nhược điểm

Nói về khuyết điểm của DNTN, đầu tiên phải nhắc đến chế độ chịu trách nhiệm, yếu tố này vừa là ưu điểm trong việc tạo nên sự tin tưởng cho đối tác và sức cạnh tranh cao trong các cuộc đấu thầu như đã nói ở trên nhưng cũng vừa là khuyết điểm lớn nhất là tạo rủi ro rất cao cho chủ sở hữu khiến cho việc lựa chọn loại hình DNTN trong kinh doanh vướng phải sự đắn đo. Tài sản của DNTN và tài sản của chủ sở hữu không có sự tách bạch rõ ràng, việc chịu trách nhiệm vô hạn khiến cho chủ doanh nghiệp không chỉ phải chịu trách nhiệm trong phạm vi vốn đầu tư mà còn phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản cá nhân của mình, trong trường hợp tài sản cá nhân hiện thời của chủ sở hữu không đủ để thực hiện nghĩa vụ thì chủ sở hữu vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ cho đến khi trả hết nợ và hoàn thành nghĩa vụ tài sản. So sánh mức độ chịu trách nhiệm thì các loại hình doanh nghiệp công ty TNHH và CTCP chỉ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi số vốn đã đầu tư, chỉ có thành viên hợp danh trong CTGD chịu trách nhiệm vô hạn như DNTN. Có thể thấy, chế độ chịu trách nhiệm dẫn đến rủi ro cao cho chủ sở hữu chính là nhược điểm lớn nhất của DNTN.

Một vấn đề khúc mắc cần lưu ý là hiện nay pháp luật Việt Nam chưa có văn bản hướng dẫn rõ ràng về vấn đề trách nhiệm tài sản của chủ doanh nghiệp đối với tài sản chung của vợ (chồng) khi tài sản của doanh nghiệp và tài sản riêng của chủ doanh nghiệp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trong trường hợp vốn đầu tư kinh doanh trong DNTN là tài sản chung của vợ chồng, do đó việc phân định tài sản dùng để thực hiện nghĩa vụ sau khi DNTN không đủ khả năng thanh toán gặp khá nhiều khó khăn trên thực tế. Để đảm bảo không vướng phải những vướng mắc này, các chủ doanh nghiệp thông thường nên làm thỏa thuận phân chia tài sản riêng với vợ (chồng) trước khi thành lập DNTN.

Nhược điểm thứ ba của loại hình DNTN là không có khả năng huy động vốn từ bên ngoài, do tính chất một người làm chủ nhưng không được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào nên đối với DNTN để có được một nguồn vốn đủ để đáp ứng cho các dự án đầu tư, kinh doanh lớn sẽ khó khăn hơn các loại hình doanh nghiệp khác.

Vấn đề thứ tư trong nhược điểm của loại hình DNTN là chủ DNTN chỉ được làm chủ một DNTN và không được đồng thời là chủ hộ kinh doanh, thành viên CTGD. DNTN cũng không được quyền góp vốn thành lập hay mua cổ phần, do đó tham gia vào các hoạt động kinh doanh của các chủ thể kinh doanh khác của DNTN và chủ doanh nghiệp đều bị hạn chế.

7. Khi nào nên chọn DNTN

Tại Việt Nam, ngành nghề thường đi với loại hình DNTN chủ yếu là các ngành nghề kinh doanh các mặt hàng thông dụng, thiết yếu và phổ biến là kinh doanh nhỏ lẻ như bán văn phòng phẩm; bán buôn hoặc bán lẻ vật liệu xây dựng; kinh doanh cà phê, nước giải khát; bán lẻ hàng lưu niệm; bán buôn và bán lẻ thực phẩm; dịch vụ nhà hàng, ăn uống.

Vì loại hình DNTN chỉ do một người đầu tư làm chủ nên nguồn vốn thường nhỏ, thêm với mức độ rủi ro cao nên chủ sở hữu DNTN ưa chuộng các ngành nghề ít vốn, quy mô kinh doanh không lớn, nguồn thu ổn định và doanh nghiệp sẽ ít gặp phải rủi ro vì các khoản nợ và các nghĩa vụ trong hoạt động kinh doanh này thông thường là không lớn vượt quá mức thanh toán của doanh nghiệp.

DNTN cũng là lựa chọn tối ưu cho những cá nhân muốn hoàn toàn tự chủ đối với nguồn vốn đầu tư của mình, tự ra các quyết định về kinh doanh và sử dụng lợi nhuận mà không phải phụ thuộc vào người khác. DNTN cũng là loại hình phù hợp cho các cá nhân tự xây dựng sự nghiệp kinh doanh nhỏ với nguồn nhân lực gia đình hoặc thuê mướn ít lao động, tổ chức đơn giản.

II. CÔNG TY HỢP DANH

1. Tổng quát

CTHD là doanh nghiệp có ít nhất hai thành viên là chủ sở hữu chung của công ty, cùng nhau kinh doanh dưới một tên chung, cùng chịu trách nhiệm vô hạn đối với mọi hoạt động kinh doanh của công ty⁹.

Các thành viên cùng là chủ sở hữu của CTHD được gọi là thành viên hợp danh, thành viên hợp danh của CTHD theo quy định của pháp luật Việt Nam bắt buộc phải là cá nhân. Các thành viên hợp danh đều là đại diện theo pháp luật của CTHD trong hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty. Một trong số các thành viên hợp danh sẽ được bầu làm giám đốc hoặc tổng giám đốc, người này cũng sẽ là đại diện theo pháp luật trong quan hệ với cơ quan nhà nước, là đại diện cho công ty với tư cách là bị đơn hoặc nguyên đơn trong các vụ tranh chấp giữa công ty và các chủ thể khác¹⁰.

Chế độ trách nhiệm vô hạn của các thành viên hợp danh là trách nhiệm liên đới, khi phát sinh nợ mà tài sản của công ty không đủ để thanh toán, chủ nợ có thể yêu cầu bất cứ thành viên nào trong số các thành viên hợp danh thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngoài thành viên hợp danh, CTHD còn có thể có thêm thành viên góp vốn, thành viên góp vốn của CTHD có thể là cá nhân hoặc pháp nhân. Thành viên góp vốn không giống như thành viên hợp danh phải chịu trách nhiệm vô hạn đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của công ty mà chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty¹¹. Các thành viên hợp danh và góp vốn của CTHD sẽ chia nhau phần lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh cũng như tỷ lệ chịu lỗ trong trường hợp công ty kinh doanh thua lỗ theo tỷ lệ thỏa thuận ở Điều lệ công ty.

Chế độ chịu trách nhiệm vô hạn của các thành viên hợp danh giống với chủ DNTN, nhưng chế độ trách nhiệm trong phạm vi góp vốn của các thành viên góp vốn lại giống với loại hình doanh nghiệp công ty TNHH và CTCP. Có sự tách bạch về chế độ chịu trách nhiệm của hai loại thành viên này xuất phát từ vai trò khác nhau của các thành viên. Thành viên góp vốn chỉ đóng vai trò góp vốn vào công ty và hưởng lợi nhuận, không có sự điều hành, quản lý đối với các hoạt động kinh doanh của công ty, do đó chế độ TNHH là phù hợp đối với các thành viên này. Trong khi đó thành viên hợp danh là những người trực tiếp quản lý, quyết định các hoạt động của công ty, do đó phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với các khoản nợ phát sinh do hoạt động điều hành, quản lý của mình. Dù có sự phân chia về chế độ trách nhiệm giữa các thành viên, nhưng xét về chế độ chịu trách nhiệm của CTHD sẽ luôn là chế độ chịu trách nhiệm vô hạn,

⁹ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 172.1.

¹⁰ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 179.4.

¹¹ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 172.1.

chính điều này khiến cho CTHD có thể tạo được niềm tin lớn hơn cho các đối tác so với các loại hình doanh nghiệp chịu trách nhiệm hữu hạn.

Có thể nói CTHD là một loại hình doanh nghiệp đặc biệt tại Việt Nam, vì mặc dù không thỏa mãn được điều kiện của pháp nhân là tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của chính mình (các thành viên hợp danh phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình chứ không giới hạn ở số vốn đã góp vào công ty) nhưng loại hình doanh nghiệp CTHD vẫn được pháp luật trao cho tư cách pháp nhân, tư cách pháp nhân của CTHD được xác định kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp¹².

CTHD không được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào¹³. Đặc điểm này của CTHD giống với loại hình DNTN, tuy nhiên vì CTHD có nhiều thành viên hợp danh và bên cạnh đó còn có thể có thêm thành viên góp vốn nên khả năng huy động động cao hơn so với DNTN.

CTHD là loại hình doanh nghiệp còn khá mới mẻ và tồn tại không phổ biến tại Việt Nam.

2. **Vốn góp và tài sản**

Tài sản của CTHD bao gồm tài sản góp vốn của các thành viên đã chuyển quyền sở hữu sang cho công ty; tài sản được tạo lập mang tên công ty; tài sản thu được từ hoạt động kinh doanh thực hiện nhân danh công ty và các hoạt động kinh doanh của công ty do các thành viên nhân danh cá nhân thực hiện¹⁴. Như vậy, một khi đã trở thành thành viên hợp danh trong CTHD, cá nhân đó không thể nhân danh chính mình thực hiện kinh doanh cùng ngành nghề với công ty để thu lợi riêng, đối với các hoạt động cùng ngành nghề của công ty được thực hiện nhân danh cá nhân của các thành viên hợp danh thì tài sản, lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh đó vẫn thuộc quyền sở hữu của công ty. CTHD là loại hình doanh nghiệp đòi hỏi có sự gắn kết về lợi ích cao nhất giữa các thành viên. Đối với các lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của công ty, các thành viên hợp danh chỉ được phép hoạt động vì lợi ích của công ty, không được phép kinh doanh các ngành nghề đó nhằm mục tiêu lợi ích cho cá nhân hoặc các chủ thể khác ngoài công ty.

3. **Cơ cấu tổ chức**

3.1. ***Thành viên hợp danh***

Thành viên hợp danh trong CTHD chính là người điều hành, quản lý, thực hiện hoạt động kinh doanh của công ty.

¹² Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 172.2.

¹³ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 172.3.

¹⁴ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 174.

Quy định pháp luật về quản lý nội bộ trong CTHD khá phức tạp. Thành viên hợp danh không được quyền nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác thực hiện kinh doanh cùng ngành, nghề kinh doanh của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Và nếu không có sự chấp thuận của các thành viên hợp danh khác, mỗi thành viên hợp danh trong CTHD không được làm chủ bất kỳ DNTN, thành viên của CTHD khác hoặc chuyển một phần hay toàn bộ phần vốn góp của mình tại công ty cho người khác¹⁵. Các thành viên hợp danh phải định kỳ báo cáo tình hình và kết quả kinh doanh của mình với công ty và phải cung cấp thông tin về tình hình và kết quả kinh doanh cho các thành viên khi có yêu cầu tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình hoạt động.

3.2. *Hội đồng thành viên*

Hội đồng thành viên của CTHD bao gồm tất cả các thành viên hợp danh và thành viên góp vốn, có quyền hạn quyết định các vấn đề lớn của công ty thông qua phương thức họp và thảo luận, biểu quyết theo đa số. Một thành viên hợp danh sẽ được bầu làm Chủ tịch hội đồng thành viên, Chủ tịch hội đồng thành viên sẽ kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty nếu điều lệ công ty không có quy định khác¹⁶.

3.3. *Thành viên góp vốn*

Thành viên góp vốn trong CTHD là thành viên đóng góp tài sản của mình vào công ty nhưng không được tham gia điều hành, quản lý mà chỉ nhằm mục đích hưởng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của công ty.

Mặc dù bị hạn chế về quyền điều hành và biểu quyết so với thành viên hợp danh, nhưng quyền định đoạt phần vốn góp của thành viên góp vốn trong CTHD được tự do hơn so với thành viên hợp danh. Thành viên góp vốn sẽ được tự do chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho người khác, có thể để thừa kế, tặng cho, thế chấp, cầm cố và định đoạt phần vốn góp bằng các hình thức khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty và những chủ thể thụ hưởng phần vốn góp của thành viên góp vốn cũng sẽ mặc nhiên trở thành thành viên góp vốn của công ty mà không cần phải có sự nhất trí của Hội đồng thành viên và các thành viên hợp danh trong công ty¹⁷.

4. *Cơ chế hoạt động*

CTHD chịu sự điều hành, quản lý bởi Hội đồng thành viên và các thành viên hợp danh. Như đã nêu ở trên, Hội đồng thành viên sẽ có thẩm quyền ra quyết định đối với các vấn đề quan trọng

¹⁵ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 175.

¹⁶ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 177.

¹⁷ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 182.

của CTHD. Các thành viên hợp danh sẽ đảm nhận việc điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty¹⁸.

CTHD có thể quy định về các hạn chế của các thành viên hợp danh trong hoạt động kinh doanh, nhưng những hạn chế này chỉ có hiệu lực đối với bên thứ ba khi người đó được biết về hạn chế này, có nghĩa là khi một bên thứ ba tham gia giao dịch kinh doanh cùng với một thành viên hợp danh nhân danh công ty nhưng lại không biết, không được thông báo và không bị yêu cầu phải biết về những hạn chế quyền hạn của công ty dẫn đến việc thực hiện giao dịch vượt quá thẩm quyền của thành viên đó, thì theo quy định của Luật doanh nghiệp 2014, những hạn chế này sẽ vô hiệu và giao dịch vượt quá thẩm quyền vẫn có giá trị ràng buộc đối với thành viên đó và công ty.

Hội đồng thành viên của loại hình doanh nghiệp CTHD không bị pháp luật bắt buộc phải hoạt động thường xuyên, định kỳ mà chỉ họp theo lệnh triệu tập của Chủ tịch hội đồng thành viên hoặc của thành viên hợp danh trong trường hợp thành viên hợp danh đó yêu cầu nhưng Chủ tịch hội đồng thành viên không triệu tập¹⁹.

Đối với hoạt động kinh doanh hằng ngày, Luật doanh nghiệp 2014 cho phép các thành viên hợp danh tự phân công nhau đảm nhiệm các chức danh quản lý và kiểm soát công ty, riêng đối với chức danh Giám đốc/Tổng giám đốc sẽ được chỉ định cố định và ngoài nhiệm vụ quản lý và điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty với tư cách là thành viên hợp danh thì còn có các nhiệm vụ phân công, phối hợp công việc kinh doanh giữa các thành viên hợp danh và tổ chức sắp xếp, lưu trữ sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ và các tài liệu khác của công ty theo quy định của pháp luật.

Qua các quy định về quản lý, điều hành của CTHD có thể thấy đây là loại hình doanh nghiệp hoạt động khá phức tạp và khó quản lý, quyền hạn điều hành được chia cho nhiều thành viên. Do đó rất khó kiểm soát và dẫn đến hệ lụy về trách nhiệm mà tất cả các thành viên phải liên đới cùng gánh chịu. Đây là lý do khiến cho CTHD mang nặng tính đối nhân, tất cả các thành viên đều phải có tinh thần trách nhiệm, năng lực và kiến thức chuyên môn cao cùng sự tin tưởng tuyệt đối lẫn nhau mới có thể cùng nhau điều hành, quản lý công ty.

5. Ưu điểm

Ưu điểm thứ nhất của loại hình doanh nghiệp CTHD khá giống so với DNTN là trách nhiệm vô hạn của các thành viên dẫn đến sự tin cậy cho khách hàng và đối tác. Nói một cách khách quan, khả năng chịu trách nhiệm của CTHD cao hơn DNTN vì có nhiều thành viên cùng liên đới

¹⁸ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 179.

¹⁹ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 177, Điều 178.

chịu trách nhiệm vô hạn trong khi DNTN chỉ có một chủ sở hữu và chịu trách nhiệm. Do đó tuy cùng là trách nhiệm vô hạn nhưng CTHD sẽ dễ dàng tạo sự yên tâm hơn cho đối tác một khi công ty phá sản nhưng vẫn chưa thanh toán hết nợ. Chủ nợ hoàn toàn có thể yêu cầu bất cứ ai trong số các thành viên hợp danh phải tiến hành trả nợ, nhiều người cùng liên đới chịu trách nhiệm sẽ khiến cho đối tác, khách hàng có niềm tin hơn về khả năng thanh toán nợ của CTHD.

Ưu điểm thứ hai của loại hình doanh nghiệp này là CTHD do nhiều cá nhân làm chủ sẽ kết hợp được uy tín của nhiều người. Đặc biệt nếu công ty hoạt động trong các lĩnh vực, ngành nghề cần có uy tín cá nhân và năng lực chuyên môn cao thì CTHD sẽ chiếm ưu thế vượt trội về khả năng cạnh tranh và tìm kiếm đối tác. Bên cạnh đó, các thành viên hợp danh cũng được phép tự do thỏa thuận về phân công, phối hợp trong hoạt động điều hành, quản lý công ty khiến cho CTHD cũng là một loại hình doanh nghiệp linh hoạt trong việc đưa ra các quyết định trong quá trình hoạt động của công ty.

Cơ cấu tổ chức và phân bổ trách nhiệm hợp lý là ưu điểm thứ ba trong CTHD. Các thành viên hợp danh là người nắm trong tay quyền điều hành, quản lý hoạt động kinh doanh hằng ngày và cũng là những người có tiếng nói mạnh trong các phán quyết của Hội đồng thành viên trong công ty. Do đó pháp luật quy định những cá nhân này phải chịu trách nhiệm vô hạn đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của công ty. Trong khi đó thành viên góp vốn thông thường là những cá nhân, hoặc tổ chức không có khả năng điều hành hoạt động kinh doanh hoặc không được nằm trong phạm vi “đối nhân” của các thành viên hợp danh. Pháp luật cho phép CTHD có thể có thành viên góp vốn là nhằm hỗ trợ cho khả năng huy động vốn của CTHD, giúp loại hình doanh nghiệp này có thêm nhiều khả năng và cơ hội tham gia vào các giao dịch thương mại yêu cầu có nhiều vốn và tăng khả năng chịu trách nhiệm. Vì thành viên góp vốn không có quyền điều hành và phiếu biểu quyết không có giá trị cao nên pháp luật không yêu cầu loại thành viên này phải chịu trách nhiệm liên đới vô hạn như thành viên hợp danh mà chỉ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi phần vốn góp của mình. Cách tổ chức và phân chia trách nhiệm mang tính hỗn hợp của CTHD đã tạo ra những quy định rất phù hợp, giúp cho loại hình doanh nghiệp này mặc dù mang trách nhiệm vô hạn của các thành viên hợp danh nhưng vẫn có tư cách pháp nhân và khả năng tham gia vào các giao dịch kinh tế không hề thua kém các loại hình doanh nghiệp khác.

6. Nhược điểm

CTHD có nhược điểm về tính rủi ro trách nhiệm vô hạn đối với chủ sở hữu rất giống với DNTN, thậm chí tính chất rủi ro của CTHD dễ khiến cho loại hình doanh nghiệp này ít được lựa chọn hơn rất nhiều so với DNTN. Vì DNTN chỉ một người làm chủ, mang tính “tự làm, tự chịu” trong khi CTHD là sự kết hợp của nhiều chủ sở hữu nên chỉ cần một thành viên hợp danh gây ra thua lỗ

thì tất cả các thành viên còn lại đều phải cùng gánh vác chung. Trong CTHD, chủ sở hữu không chỉ chịu trách nhiệm vô hạn đối với việc làm của mình mà cũng sẽ phải liên đới chịu trách nhiệm chung trong việc làm của thành viên khác.

Nhược điểm thứ hai của loại hình doanh nghiệp này đối với thành viên hợp danh là vẫn phải chịu trách nhiệm trong vòng 02 năm sau khi chấm dứt tư cách thành viên của công ty. Chỉ trừ trường hợp chết, mất năng lực hành vi dân sự hay hạn chế năng lực hành vi dân sự, thành viên hợp danh vẫn phải chịu trách nhiệm liên đới vô hạn sau khi bị khai trừ ra khỏi công ty trong vòng 02 năm sau đó đối với các khoản nợ của công ty đã phát sinh trước ngày chấm dứt tư cách thành viên. Đây cũng là một nguyên nhân khiến mọi người e ngại khi lựa chọn xây dựng CTHD.

Quản lý phức tạp là nhược điểm lớn của CTHD. Thừa nhận về mặt quy định pháp luật không có quá nhiều những điều khoản ràng buộc về cơ cấu tổ chức hay hoạt động điều hành của loại hình doanh nghiệp này và các thành viên hợp danh được tự do thỏa thuận, tự do phân công nhau trong hoạt động quản lý công ty, nhưng tính phức tạp xuất phát từ thực tiễn của CTHD khi các thành viên hợp danh thông thường là có quyền hạn tương đối ngang nhau trong việc đại diện cho công ty thực hiện hoạt động kinh doanh, nên chỉ cần có một thành viên hợp danh tự mình thực hiện một công việc trong phạm vi của công ty nhưng không được các thành viên khác ủng hộ cũng có thể dẫn đến trách nhiệm của tất cả các thành viên. Vì vậy việc nhiều người cùng làm chủ trong cùng một công ty, ngoài những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên, cùng điều hành và quản lý hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty sẽ dễ dẫn đến mâu thuẫn, không thống nhất về cách thức, phương hướng giải quyết công việc giữa tất cả các thành viên.

Nhược điểm cuối cùng của loại hình doanh nghiệp CTHD là mang nặng tính đối nhân. Đặc điểm này chính là nguyên nhân chính khiến cho loại hình doanh nghiệp bị hạn chế lựa chọn tại Việt Nam. CTHD do nhiều cá nhân làm chủ, cùng điều hành hoạt động kinh doanh nên yêu cầu về trình độ chuyên môn, khả năng quyết định và sự tin tưởng tuyệt đối lẫn nhau rất cao giữa các thành viên hợp danh. Rất khó để tìm được những người cùng có thể tin tưởng tuyệt đối lẫn nhau để hợp tác kinh doanh và có thể cùng liên đới với nhau chịu trách nhiệm. Do vậy mà mặc dù CTHD là loại hình doanh nghiệp năng động, có cơ cấu phân bổ trách nhiệm và quyền hạn hợp lý nhưng vẫn không phổ biến tại Việt Nam.

7. Khi nào nên chọn CTHD

CTHD thường được thành lập bởi những cá nhân có quan hệ thân thiết, tin tưởng lẫn nhau và cùng có năng lực chuyên môn về một ngành nghề nhất định, cùng có tinh thần trách nhiệm cao. CTHD thường được lựa chọn trong các ngành nghề mang tính chuyên môn, đòi hỏi các thành viên hợp danh phải có chứng chỉ hành nghề hay chứng nhận trình độ nhất định trong

lĩnh vực đó và sự thành công dựa phụ thuộc nhiều vào uy tín cá nhân trong nghề. Thông thường, các cá nhân bước đầu thành lập loại hình doanh nghiệp này đều có một mức độ kinh nghiệm và uy tín trong nghề nhất định, khi tạo lập CTHD thì mỗi người trong số họ đã có một số lượng khách hàng ổn định.

CTHD không nên lựa chọn các ngành nghề sản xuất hay các công việc có quá trình tạo thành phẩm phức tạp mà tính chất của loại hình CTHD này chỉ phù hợp với các mô hình doanh nghiệp vừa và nhỏ, ngành nghề mang tính trí tuệ, chuyên môn, có thể thực hiện hoạt động kinh doanh bởi một vài cá nhân.

Luật doanh nghiệp 2014 không giới hạn số lượng thành viên hợp danh của CTHD. Tuy nhiên CTHD không nên có quá nhiều thành viên hợp danh, vì nhiều người cùng hoạt động, điều hành thì sẽ dễ vướng phải sự rối rắm, không đồng thuận, thành viên không quá nhiều cùng với quy định khá mở của pháp luật về cơ cấu quản lý và hoạt động của công ty sẽ giúp CTHD linh hoạt, năng động và khả năng kiểm soát giữa các thành viên được cao hơn. Số lượng thành viên hợp danh phù hợp nhất dành cho CTHD là từ 02 đến đến 05 người.

Các CTHD hiện nay tại Việt Nam chủ yếu tập trung vào các ngành nghề sau: luật; kiểm toán; dịch vụ vận tải; quản lý, thanh lý tài sản; thẩm định giá; bán đấu giá tài sản; tài chính, kế toán...

III. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

1. Tổng quát

Công ty TNHH một thành viên là loại hình doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty²⁰.

Công ty TNHH một thành viên có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp²¹. Công ty tự quyết định người đại diện theo pháp luật của mình, nếu Điều lệ công ty không quy định người đại diện theo pháp luật thì người đại diện theo pháp luật sẽ là Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty (tùy trường hợp)²² trong trường hợp chủ sở hữu là tổ chức và Chủ tịch công ty trong trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân. Chủ sở hữu của công ty TNHH một thành viên có toàn quyền quyết định về mọi hoạt động của công ty. Hình thức một chủ sở hữu và chủ sở hữu có toàn quyền quyết định của công ty TNHH một thành viên rất giống với loại hình DNTN nhưng công ty TNHH một thành viên có tư cách pháp nhân và chủ sở hữu của công ty TNHH một thành viên chỉ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi số vốn điều lệ. Chính vì những đặc điểm này dẫn đến pháp luật có quy định ràng buộc chặt chẽ hơn về rút vốn, giảm vốn điều lệ, điều hành, cơ cấu tổ chức dành cho loại hình doanh nghiệp này so với các loại hình doanh nghiệp khác nhằm bảo vệ quyền lợi cho các khách hàng và đối tác về khả năng thanh toán nợ và hoạt động kinh doanh từ công ty TNHH một thành viên.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên không được phát hành cổ phần nên khả năng huy động vốn không cao²³. Trong trường hợp công ty TNHH huy động vốn của các chủ thể khác ngoài chủ sở hữu thì phải chuyển đổi thành các loại hình doanh nghiệp khác là công ty TNHH hai thành viên trở lên hoặc CTCP (tùy từng trường hợp).

Đây là loại hình doanh nghiệp được ưu tiên lựa chọn đối với các cá nhân muốn tự mình kinh doanh làm chủ nhưng không muốn đối mặt với rủi ro cao như DNTN và các tổ chức muốn thành lập công ty con/trực thuộc vì pháp luật quy định khá linh hoạt về cơ cấu tổ chức đối với loại hình doanh nghiệp này. Trường hợp cá nhân làm chủ sở hữu thì Luật doanh nghiệp 2014 quy định một hình thức tổ chức công ty khá đơn giản vì tính chất một người điều hành – ra quyết định trực tiếp, yêu cầu tính nhanh nhạy và chuẩn xác. Trong trường hợp tổ chức làm

²⁰ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 73.1.

²¹ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 73.2.

²² Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 78.2.

²³ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 73.3.

chủ sở hữu thì pháp luật quy định về cơ cấu tổ chức của loại hình doanh nghiệp này phức tạp hơn, có nhiều cấp bậc và phải có Kiểm soát viên để giám sát tính tuân theo pháp luật của các hoạt động của công ty²⁴. Nói tóm lại, đi kèm với chế độ TNHH mang tính an toàn, pháp luật cũng có cơ chế ràng buộc thích hợp để kiểm soát và nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty cũng như tính an toàn pháp lý dành cho đối tác, khách hàng thực hiện các hoạt động kinh doanh với loại hình công ty TNHH một thành viên.

Loại hình doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên là loại hình rất phổ biến tại Việt Nam, phù hợp với tâm lý thích an toàn và quy mô vừa phải của người Việt, đây sẽ là mô hình ngày càng được mở rộng trong tương lai.

2. **Vốn điều lệ - vốn góp**

Vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp là tổng giá trị tài sản do chủ sở hữu cam kết góp và ghi trong Điều lệ công ty²⁵.

Chủ sở hữu của công ty TNHH một thành viên không được rút lợi nhuận nếu không đảm bảo sau khi chủ sở hữu rút lợi nhuận công ty vẫn có khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác²⁶. Chủ sở hữu muốn rút vốn ra khỏi công ty thì phải bắt buộc phải sử dụng hình thức chuyển nhượng vốn cho cá nhân hoặc tổ chức khác.

Công ty TNHH một thành viên có thể tăng vốn điều lệ bằng việc chủ sở hữu công ty đầu tư thêm hoặc huy động thêm vốn góp của cá nhân, tổ chức khác. Hình thức tăng vốn và mức tăng vốn điều lệ do chủ sở hữu toàn quyền quyết định. Trường hợp huy động thêm vốn từ cá nhân, tổ chức khác thì công ty TNHH một thành viên phải chuyển đổi loại hình doanh nghiệp cho phù hợp theo hướng trở thành công ty TNHH hai thành viên trở lên hoặc CTCP (tùy trường hợp). Việc huy động vốn từ cá nhân, tổ chức khác chính là chấm dứt sự tồn tại của công ty TNHH một thành viên, do vậy chủ sở hữu muốn tăng vốn điều lệ nhưng vẫn giữ nguyên loại hình doanh nghiệp này thì chỉ có thể do mình tự bỏ thêm vốn đầu tư hoặc phát hành trái phiếu để thu hút thêm vốn về cho công ty²⁷.

3. **Chủ sở hữu**

Quyền hạn và trách nhiệm của chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên có sự phân định giữa chủ sở hữu là cá nhân và chủ sở hữu là tổ chức.

²⁴ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014 Điều 78.1.

²⁵ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 74.1.

²⁶ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 76.5.

²⁷ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 87.2.

Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức thì với quy mô và cơ cấu phức tạp hơn so với mô hình chủ sở hữu là cá nhân.

Công ty TNHH là loại hình doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, chịu trách nhiệm trong phạm vi vốn điều lệ, do đó cần tách biệt tài sản và chi tiêu của chủ sở hữu với tài sản và chi tiêu của công ty để phân định rõ ràng giá trị tài sản dùng để trả nợ và thực hiện các nghĩa vụ tài sản khác và tránh tình trạng làm thâm hụt tài sản, ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của công ty. Luật doanh nghiệp 2014 đã quy định chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên phải xác định và tách biệt tài sản của mình và tài sản của công ty, đối với trường hợp chủ sở hữu là cá nhân thì phải tách biệt các chi tiêu của cá nhân và gia đình mình với các chi tiêu của công ty trên cương vị là Chủ tịch công ty, Giám đốc/Tổng giám đốc của công ty²⁸.

4. Cơ cấu tổ chức

Công ty TNHH một thành viên được tổ chức không theo mô hình cố định chung mà sẽ tùy thuộc vào chủ sở hữu là cá nhân hay tổ chức mà sẽ có những mô hình tổ chức khác nhau. Nhìn chung thì cơ cấu tổ chức công ty theo mô hình do tổ chức làm chủ sở hữu sẽ phức tạp hơn mô hình chủ sở hữu là cá nhân, nguyên nhân là cá nhân là một cá thể, có thể tự mình điều hành, giám sát hoạt động của công ty trong khi tổ chức không thể tự mình điều hành, đưa ra quyết định mà phải thực hiện nhiệm vụ thông qua một hay nhiều cá nhân khác, điểm khác biệt cơ bản nhất trong cơ cấu tổ chức của hai mô hình này là chế định Kiểm soát viên trong công ty TNHH một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu – người thực hiện chức năng thay mặt chủ sở hữu giám sát các cơ quan quản lý khác trong hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty.

4.1. Mô hình tổ chức làm chủ sở hữu

Luật doanh nghiệp 2014 cho phép công ty trách nhiệm một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu được lựa chọn một trong hai mô hình sau: Chủ tịch công ty > Giám đốc/Tổng giám đốc > Kiểm soát viên hoặc Hội đồng thành viên > Giám đốc/Tổng giám đốc > Kiểm soát viên²⁹.

Hội đồng thành viên và Chủ tịch công ty do chủ sở hữu công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm. Công ty TNHH do tổ chức làm chủ sở hữu phải chọn một trong hai hình thức tổ chức hoặc là theo mô hình Hội đồng thành viên với nhiệm kỳ không quá 05 năm, bao gồm 03 đến 07 thành viên hoặc là theo mô hình Chủ tịch công ty không có nhiệm kỳ³⁰.

²⁸ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 76.3.

²⁹ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 78.1.

³⁰ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 79.1, Điều 80.1.

Giám đốc/Tổng giám đốc công ty là chức danh bắt buộc của loại hình công ty TNHH một thành viên, được bổ nhiệm hoặc được thuê bởi Chủ tịch hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty với nhiệm kỳ không quá 05 năm với nhiệm vụ điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty. Giám đốc/Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Giám đốc/Tổng giám đốc có thể được kiêm nhiệm bởi Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty³¹.

Kiểm soát viên cũng là chức danh bắt buộc của loại hình doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu nhằm giúp chủ sở hữu giám sát tính tuân thủ pháp luật đối với các hoạt động từ Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty và Giám đốc/Tổng giám đốc. Kiểm soát viên được bổ nhiệm bởi chủ sở hữu với nhiệm kỳ không quá 05 năm và chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu công ty về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình³².

4.2. Mô hình chủ sở hữu là cá nhân

Cơ cấu tổ chức của mô hình công ty TNHH một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu bao gồm Chủ tịch công ty > Giám đốc/Tổng giám đốc³³.

Chủ tịch công ty được bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm bởi chủ sở hữu công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu về việc thực hiện các công việc được giao.

Giám đốc/Tổng giám đốc được Chủ tịch công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm bởi Chủ tịch công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật, Chủ sở hữu và Chủ tịch công ty về việc thực hiện các công việc được giao³⁴.

Cả Chủ tịch công ty và Giám đốc/Tổng giám đốc đều không có nhiệm kỳ, mô hình này không có Hội đồng thành viên và Kiểm soát viên.

Trên thực tế các công ty TNHH một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu thì thông thường chủ sở hữu sẽ đồng thời kiêm nhiệm Chủ tịch công ty và Giám đốc/Tổng giám đốc nên cơ cấu tổ chức của mô hình này rất dễ quy về mô hình toàn quyền và cơ cấu đơn giản như loại hình DNTN, theo đó chủ sở hữu góp vốn vào công ty và tự mình quyết định mọi vấn đề của công ty, thực hiện điều hành, quản lý hoạt động kinh doanh hằng ngày.

³¹ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 81.1.

³² Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 82.1.

³³ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 85.1.

³⁴ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 85.2.

Nếu chủ sở hữu là người có năng lực chuyên môn và khả năng quản lý thì đây là mô hình nên được ưu tiên ứng dụng vì có thể yên tâm với các quyết định do chính mình đưa ra và tiết kiệm chi phí thuê mướn lao động, trường hợp để người khác thay mình điều hành thì vấn đề giám sát hoạt động cũng là một vấn đề đáng được lưu tâm.

Trường hợp chủ sở hữu phải thuê người khác điều hành thì nên kiêm nhiệm Chủ tịch công ty và chỉ nên thuê người đảm nhiệm Chức danh Giám đốc/Tổng giám đốc.

5. Cơ chế hoạt động

Hội đồng thành viên thực hiện hoạt động điều hành trên hình thức thảo luận – biểu quyết. Pháp luật không bắt buộc Hội đồng thành viên phải họp định kỳ mà chỉ họp khi có triệu tập họp của Chủ tịch hội đồng thành viên dựa trên yêu cầu của thành viên Hội đồng thành viên hoặc chính yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Cuộc họp Hội đồng thành viên có những điểm đặc trưng hơn so với CTHD là không phân biệt quyền biểu quyết giữa các thành viên nếu điều lệ công ty không có quy định cụ thể, mỗi thành viên sẽ có một phiếu biểu quyết có giá trị ngang nhau³⁵.

Các nghị quyết được thông qua bởi Hội đồng thành viên sẽ được Giám đốc/Tổng giám đốc triển khai thực hiện cùng với các quyết định tự mình ban hành để điều hành hoạt động kinh doanh của công ty³⁶.

Kiểm soát viên sẽ tham gia vào các cuộc họp của Hội đồng thành viên, xem xét, thẩm định các tài liệu, giấy tờ có liên quan đến quyết định của Hội đồng thành viên và hoạt động triển khai thực hiện quyết định, điều hành kinh doanh của Giám đốc/Tổng giám đốc nhằm giám sát tính tuân thủ theo pháp luật và tình hình hoạt động của công ty và báo cáo về cho chủ sở hữu³⁷.

6. Ưu điểm

Thứ nhất, chủ sở hữu chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi phần vốn góp, đây là đặc điểm khiến cho loại hình doanh nghiệp này được lựa chọn phổ biến vì khả năng rủi ro đối với chủ sở hữu không cao, khi công ty đi đến giải thể hoặc phá sản, tài sản riêng của chủ sở hữu không bị đe dọa nên có thể nói đây là loại hình doanh nghiệp mang tính an toàn cao. Loại hình doanh nghiệp này thích hợp cho các cá nhân muốn tự mình hoạt động kinh doanh độc lập nhưng không muốn phải gánh chịu trách nhiệm vô hạn như loại hình DNTN hoặc một tổ chức muốn

³⁵ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 79.5.

³⁶ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 81.2.a.

³⁷ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 82.2.

thành lập công ty để kinh doanh hay công ty muốn thành lập công ty con cho riêng mình mà không bị phân tán quyền lực.

Thứ hai, chủ sở hữu có toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến công ty mà không cần phải thống nhất ý kiến với bất kỳ chủ thể nào khác, đặc biệt đối với mô hình chủ sở hữu là cá nhân thì cơ cấu quản lý của loại hình doanh nghiệp này sẽ có thể quy về mô hình quản lý đơn giản, gọn nhẹ như DNTN nhưng lại chỉ chịu TNHH trong phạm vi vốn điều lệ. Còn đối với mô hình chủ sở hữu là tổ chức cũng sẽ tồn tại những ưu điểm trong cơ cấu quản lý khi chủ sở hữu được toàn quyền lựa chọn, bổ nhiệm những cá nhân đủ tin tưởng để thay mình thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với công ty. Công ty TNHH một thành viên không chỉ an toàn về vốn mà còn an toàn về nhân sự, cơ cấu quản lý và điều hành.

Thứ ba, cơ cấu tổ chức không quá phức tạp so với các loại hình doanh nghiệp chịu trách nhiệm hữu hạn khác là công ty TNHH hai thành viên trở lên và CTCP. Thông thường các công ty TNHH một thành viên là loại mô hình doanh nghiệp vừa và nhỏ nên số lượng thành viên của Hội đồng thành viên không lớn, thêm vào đó thường được kiêm nhiệm giữ các chức danh, chức vụ nên cơ cấu và nhân lực cũng được đơn giản hóa. Nếu so sánh giữa hai mô hình chủ sở hữu là tổ chức và chủ sở hữu là cá nhân thì mô hình chủ sở hữu là cá nhân có phần gọn nhẹ hơn và hoạt động linh hoạt và hiệu quả, đối với mô hình chủ sở hữu là tổ chức thì việc lựa chọn cơ cấu quản lý theo mô hình Chủ tịch công ty cũng sẽ khiến cho cơ cấu của công ty gọn nhẹ, tuy nhiên phải đảm bảo cá nhân được chọn bổ nhiệm là Chủ tịch công ty phải là người có đầy đủ kinh nghiệm, khả năng và được chủ sở hữu tin tưởng vì chủ sở hữu là tổ chức không thể tự mình tham gia quản lý điều hành công ty.

7. Nhược điểm

Thứ nhất, chịu sự điều chỉnh chặt chẽ của pháp luật về hoạt động rút và chuyển nhượng vốn. Công ty TNHH được Luật doanh nghiệp 2014 cho điều chỉnh vốn dưới hình thức hoàn lại một phần vốn cho chủ sở hữu sau 02 năm hoạt động nếu vẫn đảm bảo khả năng thanh toán nợ và thực hiện các nghĩa vụ tài sản khác, đây là quy định mang tính mập mờ, khó hiểu, không thể xác định được thực sự chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên có được rút vốn trực tiếp ra khỏi công ty hay không, các quy định khác của Luật doanh nghiệp thể hiện chủ sở hữu công ty chỉ được phép rút vốn thông qua hình thức chuyển nhượng vốn cho tổ chức, cá nhân khác. Việc chuyển nhượng vốn sẽ rất dễ làm thay đổi loại hình của công ty TNHH một thành viên, chỉ khi chủ sở hữu chuyển toàn bộ vốn điều lệ cho một tổ chức, cá nhân thì loại hình doanh nghiệp mới được giữ nguyên, trường hợp chuyển nhượng một phần vốn hay chuyển nhượng toàn bộ vốn cho hai hay nhiều tổ chức, cá nhân khác nhau sẽ dẫn đến việc mô hình TNHH một thành viên sẽ chấm dứt.

Thứ hai, loại hình doanh nghiệp này không được phát hành cổ phiếu để huy động vốn kinh doanh mà chỉ có thể phát hành trái phiếu nhằm vay vốn nhưng phải đáp ứng nhiều điều kiện của pháp luật về phát hành trái phiếu, việc huy động vốn từ các tổ chức, các nhân khác sẽ khiến cho công ty bị biến đổi loại hình doanh nghiệp, nói chung khả năng huy động vốn của công ty TNHH một thành viên là không cao, bị hạn chế rất nhiều so với loại hình doanh nghiệp CTCP.

Thứ ba, loại hình doanh nghiệp này gần như không được giảm vốn điều lệ, trừ trường hợp đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ cho đúng với vốn thực góp khi chủ sở hữu không góp đủ vốn như đã cam kết và điều chỉnh vốn điều lệ khi hoàn trả một phần vốn góp cho chủ sở hữu sau 02 năm hoạt động. Công ty TNHH một thành viên chỉ có thể tăng vốn điều lệ và một khi đã tăng là không thể giảm vì pháp luật e ngại rằng với chế độ chịu TNHH và một chủ sở hữu, khi công ty TNHH một thành viên giảm vốn điều lệ sẽ gây mất uy tín và đe dọa đến khả năng thanh toán nợ cho các đối tác, khách hàng đang có hoạt hợp tác động kinh doanh phát sinh từ trước thời điểm giảm vốn điều lệ, do đó, chế định không được rút vốn trực tiếp mà chỉ có thể chuyển nhượng nhằm đảm bảo duy trì khả năng thanh toán của loại hình doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên và tăng tinh thần trách nhiệm của chủ sở hữu.

Thứ tư, vì chế độ chịu TNHH nên loại hình doanh nghiệp này không tạo được niềm tin cao từ đối tác. Không giống với loại hình DNTN và CTGD có thể tạo dựng niềm tin từ kinh nghiệm, uy tín cá nhân của chủ sở hữu hoặc các thành viên hợp danh và chế độ chịu trách nhiệm vô hạn thì niềm tin của công ty TNHH tạo dựng niềm tin chỉ thông qua vốn điều lệ - chính là khả năng thanh toán nợ và thực hiện nghĩa vụ tài sản của chủ sở hữu. Trước khi tham gia hợp tác kinh doanh cùng một công ty TNHH một thành viên, bên thứ ba sẽ suy xét nhiều đến vốn điều lệ được ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh như là một cơ chế đảm bảo tính an toàn trong giao dịch. Do đó, với các công ty có vốn điều lệ thấp thì khả năng tạo niềm tin cho đối tác là không cao.

8. Khi nào nên chọn công ty TNHH một thành viên

Công ty TNHH một thành viên là loại hình tối ưu cho các tổ chức cá nhân có tiềm lực kinh tế muốn tự mở công ty hoạt động kinh doanh cho chính mình và tự mình có thể điều khiển, quyết định mọi hoạt động của công ty mà không phụ thuộc vào ý kiến của những người khác đồng thời không muốn phải đối mặt với mức độ chịu trách nhiệm vô hạn như loại hình DNTN. Công ty TNHH một thành viên cũng là mô hình thích hợp nhất cho các công ty lớn muốn thành lập các công ty con để mở rộng hoạt động kinh doanh.

Loại hình doanh nghiệp này thích hợp với các quy mô kinh doanh dạng nhỏ và vừa, dành cho các chủ thể muốn có hoạt động kinh doanh an toàn, không cần đầu tư quá nhiều vốn và không có nhu cầu huy động vốn cao. Đặc biệt phù hợp với hoạt động khởi nghiệp theo hình thức chủ

sở hữu là cá nhân có tài chính và năng lực chuyên môn về ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh và khả năng quản lý doanh nghiệp, có thể tự mình thành lập công ty và quản lý, điều hành quản lý bằng chính khả năng của mình.

Loại hình doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên không kén chọn ngành nghề, trên thực tế loại hình doanh nghiệp này có ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh vô cùng đa dạng, phần lớn các lĩnh vực kinh doanh, sản xuất hiện nay đều tập trung loại hình công ty TNHH, tuy nhiên vì mô hình một thành viên thì khả năng về tài chính thường không lớn nên loại hình này thích hợp hơn đối với các hoạt động kinh doanh có nhu cầu vốn trung bình như tiếp thị, quảng cáo, vận tải, xây dựng, phân phối hàng hóa, sản xuất hàng tiêu dùng, gia công, chế biến nông sản ...Loại hình công ty TNHH một thành viên không phù hợp đối với các ngành, nghề, lĩnh vực có nhu cầu cao vốn cao và quy mô lớn như ngân hàng, tổ chức tín dụng, dịch vụ đòi nợ, dịch vụ bảo vệ, kinh doanh bất động sản, hàng không, vận tải quốc tế ...còn tất cả các ngành nghề khác không cần vốn quá cao hay quy mô hoạt động đều có thể kết hợp với loại hình công ty TNHH một thành viên nên các chủ thể khi cân nhắc lựa chọn loại hình doanh nghiệp này chỉ cần xem xét tài chính hiện có và nhu cầu về quản lý, chế độ chịu trách nhiệm của mình để có lựa chọn đúng đắn nhất.

IV. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

1. Tổng quát

Công ty TNHH hai thành viên trở lên là loại hình doanh nghiệp có từ 02 thành viên trở lên nhưng không vượt quá 50. Các thành viên của công ty có thể là tổ chức, cá nhân và thành viên chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi phần vốn góp của mình³⁸.

Công ty TNHH hai thành viên trở lên cùng với công ty TNHH một thành viên là hai nhánh của loại hình doanh nghiệp công ty TNHH. Vì vậy giữa hai loại hình này có nhiều đặc điểm tương đồng nhau về chế độ chịu trách nhiệm hữu hạn đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi vốn điều lệ, về chế độ chuyển nhượng vốn, chỉ được giảm vốn điều lệ trong một số trường hợp đặc biệt nhằm giảm thiểu tình trạng rút vốn để trốn tránh trách nhiệm về các khoản nợ gây thiệt hại về các lợi ích của bên thứ 3 và về cơ cấu tổ chức quản lý trong nội bộ công ty. Công ty TNHH hai thành viên trở lên cũng chịu sự quản lý tương đối chặt chẽ của pháp luật về cơ cấu tổ chức cũng như quyền và nghĩa vụ của các chức danh quản lý của công ty.

Với hình thức có hơn một chủ sở hữu, công ty TNHH hai thành viên trở lên là loại hình tiêu biểu cho mô hình công ty vừa đối nhân, vừa đối vốn. Các thành viên với mục đích chính là cùng nhau góp vốn vào nhằm thành lập công ty và cùng nhau hoạt động kinh doanh thu lợi nhuận và thông thường các thành viên đều là những cá nhân, tổ chức có quen biết, tin tưởng nhau ở một chừng mực nhất định.

Việc có người lạ trở thành thành viên của công ty, cùng điều hành, lãnh đạo công ty là điều không được các thành viên của công ty TNHH hai thành viên trở lên chào đón vì tất cả thành viên của công ty đều có quyền tham gia quản lý và quyết định đến vận mệnh của công ty. Nên để đảm bảo tính đối nhân trong loại hình doanh nghiệp này, pháp luật cho phép công ty TNHH hai thành viên trở lên kiểm soát chặt chẽ về nhân thân của các thành viên. Để một người lạ (chủ nợ của thành viên hay người không có quan hệ thân thích) trở thành thành viên của công ty TNHH hai thành viên trở lên phải có sự chấp thuận của Hội đồng thành viên, việc bán hay chuyển nhượng phần vốn góp của các thành viên trong công ty cũng phải ưu tiên bán và chuyển nhượng cho các thành viên khác nên công ty TNHH hai thành viên trở lên rất hạn chế việc có người lạ xâm nhập vào điều hành, quản lý công ty.

Cũng giống như công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên cũng không có quyền phát hành cổ phần nên khả năng huy động thêm vốn cũng không cao³⁹, tuy nhiên

³⁸ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 47.1.

³⁹ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 47.3.

do công ty có nhiều chủ sở hữu cùng hùn hạp vốn và có thể kết nạp thêm thành viên mới nên nhìn nhận chung thì đây là mô hình có tiềm lực tài chính lớn hơn mô hình một chủ sở hữu dẫn đến khả năng tham gia vào các giao dịch thương mại của nền kinh tế cũng lớn hơn rất nhiều.

Công ty TNHH hai thành viên trở lên có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp⁴⁰, Luật doanh nghiệp 2014 không quy định người đại diện theo pháp luật mặc định của công ty trong trường hợp Điều lệ không quy định, công ty TNHH hai thành viên trở lên phải chỉ định người đại diện theo pháp luật của công ty để thay mặt công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty.

Đây cũng là loại hình doanh nghiệp khá an toàn và nên được lựa chọn bởi chế độ chịu trách nhiệm hữu hạn dẫn đến giảm thiểu rủi ro cho các chủ sở hữu, có thể huy động vốn từ nhiều cá nhân đồng thời tính đối nhân giúp cho các thành viên có thể quản lý, kiểm soát được người lạ xâm nhập vào công ty. Loại hình doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên cũng là loại hình doanh nghiệp rất phổ biến tại Việt Nam và phần lớn phát triển từ loại hình một thành viên.

2. **Vốn điều lệ - vốn góp**

Vốn điều lệ của công ty TNHH hai thành viên trở lên khi đăng ký doanh nghiệp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh là giá trị phần vốn góp các thành viên cam kết góp vào công ty⁴¹.

Công ty TNHH hai thành viên trở lên có thể tăng vốn điều lệ thông qua tăng vốn góp của các thành viên hoặc tiếp nhận thêm thành viên mới. Trường hợp tăng vốn điều lệ thông qua tăng phần vốn góp của các thành viên thì phần vốn góp thêm sẽ được phân chia cho các thành viên theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp trong vốn điều lệ hiện tại của công ty.⁴²

Trường hợp kết nạp thêm thành viên mới thì phải được Hội đồng thành viên chấp thuận. Việc tăng vốn điều lệ nếu làm thay đổi tỷ lệ vốn góp của các thành viên thì quyền hạn và trách nhiệm của các thành viên cũng sẽ được xác định lại tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp của mình sau khi đã tăng vốn điều lệ.

Các trường hợp công ty TNHH hai thành viên trở lên có thể giảm vốn điều lệ trong các trường hợp sau đây: Các thành viên không góp đủ và đúng số vốn đã cam kết dẫn đến việc công ty phải đăng ký giảm vốn điều lệ cho đúng với thực tế; Công ty mua lại phần vốn góp của thành viên theo yêu cầu của thành viên đó và hoàn trả lại một phần vốn góp của các thành viên theo tỷ lệ vốn góp của họ trong vốn điều lệ của công ty nếu đảm bảo được các điều kiện là công ty

⁴⁰ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 47.2.

⁴¹ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 48.1.

⁴² Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 68.1, 2.

đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp và đảm bảo vẫn có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho thành viên⁴³.

Thành viên công ty có thể đề nghị công ty mua lại phần vốn góp của mình khi thành viên đó bỏ phiếu phản đối các nghị quyết của Hội đồng thành viên, hoặc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình cho người khác. Đối tượng được ưu tiên chuyển nhượng là các thành viên còn lại của công ty, nếu các thành viên còn lại không mua hoặc mua không hết số vốn chào bán thì thành viên chào bán có thể tự do chuyển nhượng phần vốn góp cho người không phải là thành viên với cùng điều kiện chào bán đối với các thành viên còn lại⁴⁴.

Loại hình công ty TNHH hai thành viên trở lên bị ràng buộc khá nhiều về việc tăng – giảm vốn điều lệ, chuyển nhượng và mua lại phần vốn góp so với loại hình một thành viên vì sự phức tạp từ nhiều chủ sở hữu có cả tổ chức và cá nhân. Tuy nhiên các quy định của Luật doanh nghiệp 2014 cũng không thể bảo vệ hoàn toàn được tính đối nhân của loại hình doanh nghiệp này như CTGD, đặc biệt trong các trường hợp công ty không có khả năng mua lại toàn bộ hoặc các thành viên không có khả năng nhận chuyển nhượng lại khi có thành viên muốn chào bán phần vốn góp của mình thì công ty sẽ rất dễ phải đối mặt với tình trạng người lạ xâm nhập vào điều hành, quản lý hoạt động của công ty.

3. Thành viên công ty

Thành viên của công ty TNHH hai thành viên trở lên là các cá nhân, tổ chức cùng góp vốn và có quyền, nghĩa vụ quyết định các vấn đề của công ty cũng như cùng nhau chia sẻ lợi nhuận.

Thành viên của công ty TNHH hai thành viên trở lên có quyền định đoạt phần vốn góp của mình thông qua các hình thức chuyển nhượng một phần hay toàn bộ, tặng cho, để lại thừa kế và các cách thức khác theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty⁴⁵.

Mỗi thành viên của công ty TNHH hai thành viên trở lên không được rút vốn trực tiếp ra khỏi công ty mà phải thông qua hình thức đề nghị công ty mua lại hoặc chuyển nhượng phần vốn của mình cho cá nhân, tổ chức khác⁴⁶.

4. Cơ cấu tổ chức

4.1. Hội đồng thành viên

⁴³ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 68.3.

⁴⁴ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 52.1, 3; 53.1(b).

⁴⁵ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 50.6.

⁴⁶ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 53

Hội đồng thành viên bao gồm tất cả các thành viên của công ty (trong đó có một thành viên đứng đầu gọi là Chủ tịch Hội đồng Thành viên), các thành viên của công ty tự mình tham dự, thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc có thể ủy quyền cho người khác thay mình tham gia Hội đồng thành viên. Hội đồng thành viên của công ty TNHH hai thành viên trở lên là cơ quan quyết định cao nhất của công ty. Lịch trình họp Hội đồng thành viên sẽ do Điều lệ công ty quyết định nhưng tối thiểu là một lần trên năm⁴⁷, ngoài các kỳ họp định kỳ, Hội đồng thành viên có thể họp bất thường theo sự triệu tập của Chủ tịch hội đồng thành viên hoặc nhóm các thành viên đáp ứng được yêu cầu có thể triệu tập cuộc họp Hội đồng thành viên⁴⁸.

4.2. *Giám đốc/Tổng giám đốc*

Giám đốc/Tổng giám đốc được chọn bởi Hội đồng thành viên, trực tiếp quản lý các hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình⁴⁹.

4.3. *Ban kiểm soát*

Ban kiểm soát là chế định không bắt buộc đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên có ít hơn 11 thành viên, công ty có dưới 11 thành viên có thể lập Ban kiểm soát tùy theo yêu cầu quản trị của công ty. Tương tự như loại hình công ty TNHH một thành viên, Ban kiểm soát sẽ do Hội đồng thành viên thành lập, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên vì Hội đồng thành viên chính là chủ sở hữu của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

Thông thường Chủ tịch hội đồng thành viên trong công ty TNHH hai thành viên trở lên sẽ kiêm nhiệm chức danh Giám đốc/Tổng giám đốc⁵⁰. Đây là một phương thức tổ chức hợp lý vì Giám đốc/Tổng giám đốc là người trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty, là người triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng thành viên trên thực tế, trong khi đó Chủ tịch Hội đồng thành viên là người triệu tập, điều hành cuộc họp Hội đồng thành viên nên nếu Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm nhiệm Giám đốc/Tổng giám đốc thì người này sẽ nắm bắt tốt các nội dung của nghị quyết cũng như phương hướng do Hội đồng thành viên, ứng dụng vào hoạt động hằng ngày của công ty nhanh chóng, kịp thời.

⁴⁷ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 56

⁴⁸ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014 Điều 50.8

⁴⁹ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 64.1

⁵⁰ Xem thêm Luật doanh nghiệp 2014, Điều 57.1.

Bên cạnh đó hoạt động chủ trì cuộc họp Hội đồng thành viên cũng sẽ có hiệu quả hơn khi Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc/Tổng giám đốc sẽ nắm rõ tình hình hoạt động kinh doanh của công ty, biết được các thuận lợi, khó khăn của công ty trên thực tế nên sẽ chủ động trong việc triệu tập Hội đồng thành viên kịp thời, nhanh chóng khi phát sinh các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên, các tài liệu, nội dung chuẩn bị cho cuộc họp cũng sẽ phù hợp, chính xác hơn với tình hình thực tế của công ty.

Tuy nhiên, cơ cấu tổ chức kiêm nhiệm trong công ty TNHH hai thành viên trở lên sẽ dễ tạo nên tình trạng lạm quyền, thao túng công ty của thành viên được kiêm nhiệm hai chức danh chủ chốt này.

5. Cơ chế hoạt động

Giống như loại hình công ty TNHH một thành viên theo mô hình Hội đồng thành viên, công ty TNHH hai thành viên được điều hành bởi Hội đồng thành viên và Giám đốc/Tổng giám đốc. Hội đồng thành viên đề ra những quyết sách, kế hoạch và chiến lược phát triển cho công ty trong khi Giám đốc/Tổng giám đốc sẽ triển khai các nghị quyết của Hội đồng thành viên, quyết định các công việc hằng ngày liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày⁵¹.

Các nghị quyết của Hội đồng có hiệu lực thi hành bắt buộc trong toàn bộ công ty và được triển khai thực hiện bởi Giám đốc/Tổng giám đốc và các chức danh quản lý, điều hành khác trong công ty.

Tương tự như chức danh Kiểm soát viên và Ban kiểm soát ở mô hình doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu, Ban kiểm soát và Kiểm soát viên trong công ty TNHH hai thành viên trở lên sẽ giám sát hoạt động của Hội đồng thành viên và Giám đốc/Tổng giám đốc cùng các chức danh quản lý khác của công ty.

6. Ưu điểm

Vì mô hình công ty TNHH hai thành viên trở lên khá giống so với mô hình công ty TNHH một thành viên nên các nội dung về ưu và nhược điểm của hai mô hình này cũng có nhiều điểm tương đồng.

Đầu tiên phải nói đến ưu điểm an toàn về tài sản của nhà đầu tư, các chủ sở hữu của công ty TNHH hai thành viên trở lên cũng chỉ chịu trách nhiệm giới hạn trong phạm vi số vốn của mình đã góp vào công ty, mô hình này không gây rủi ro cho các nhà đầu tư khi công ty đi đến giải thể hay phá sản khiến cho các chủ sở hữu an tâm hơn khi bước vào môi trường kinh doanh so với hai loại hình doanh nghiệp chịu trách nhiệm vô hạn là DNTN và CTHD.

⁵¹ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 58 – 64.

Ưu điểm tiếp theo là với hình thức nhiều người làm chủ, mang tính vừa đối nhân vừa đối vốn, các chủ sở hữu thông thường là những tổ chức, cá nhân có mối quan hệ quen biết, tin tưởng nhau từ trước muốn cùng hợp tác kinh doanh dưới một công ty. Nhiều chủ sở hữu cùng điều hành, quyết định các vấn đề của công ty cũng sẽ khiến cho hoạt động của công ty thêm chắc chắn, có sự suy nghĩ chín chắn, cẩn thận và đa chiều hơn so với mô hình một chủ sở hữu có thể dẫn đến những quyết định nhất thời, thiếu suy nghĩ.

So sánh với mô hình công ty TNHH một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu có cơ cấu tổ chức là Hội đồng thành viên thì các thành viên của Hội đồng thành viên chỉ là những người được chủ sở hữu chỉ định, làm thay chủ sở hữu trong việc quản lý chứ không có lợi ích trực tiếp từ vốn góp vào công ty. Trong khi đó Hội đồng thành viên trong mô hình hai thành viên trở lên có các thành viên là những người trực tiếp góp vốn vào công ty và có lợi ích trực tiếp từ sự tồn tại và phát triển của công ty, do đó các quyết định của họ sẽ mang tính cân nhắc và suy tính kỹ lưỡng hơn mô hình công ty TNHH một thành viên.

Quy trình và cách thức chuyển nhượng vốn rất chặt chẽ khiến cho Hội đồng thành viên có thể kiểm soát được các thành viên trong công ty của mình, tránh được tình trạng có người lạ không được các thành viên chấp thuận lọt vào bộ máy điều hành, quản lý của công ty gây mất tính đối nhân của lại hình doanh nghiệp này. Bên cạnh đó, quy định về tăng vốn điều lệ của công ty theo hướng ưu tiên cho các thành viên góp thêm vốn theo tỷ lệ phần vốn góp hiện tại cũng là một cơ chế nhằm bảo toàn tính đối nhân – đối vốn và sự ổn định trong tỷ lệ góp vốn của công ty. Tính chất vừa đối nhân vừa đối vốn khiến cho loại hình doanh nghiệp này vừa có thể có được nguồn vốn lớn để có thể tham gia mạnh vào các hoạt động kinh doanh, thương mại trong xã hội nhưng cũng đảm bảo được tính an toàn khi làm việc cùng với những người quen biết, có sự tin tưởng nhất định vào nhau.

Cuối cùng là cơ cấu tổ chức không quá phức tạp so với công ty cổ phần – một loại hình doanh nghiệp chịu trách nhiệm hữu hạn khác, số lượng thành viên thường không lớn, giới hạn số lượng thành viên không quá 50 thành viên cũng là một ưu điểm giúp cho mô hình này không phải đối mặt với vấn đề khó quản lý khi có quá đông thành viên trong cùng một công ty.

7. Nhược điểm

Thứ nhất vẫn là nhược điểm đi từ ưu điểm an toàn chế độ chịu trách nhiệm hữu hạn khiến cho công ty TNHH hai thành viên trở lên cũng không tạo được niềm tin lớn từ phía đối tác làm ăn hay ngân hàng tín dụng trong các khoản vay. Niềm tin của công ty TNHH hai thành viên trở lên cũng phụ thuộc khá lớn vào con số vốn điều lệ ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Thứ hai là khả năng huy động vốn thấp, do công ty TNHH hai thành viên trở lên không được phát hành cổ phần, cổ phiếu do đó không có khả năng huy động nguồn vốn từ bên ngoài công

ty. Việc huy động thêm vốn của loại hình doanh nghiệp này có thể thông qua phát hành trái phiếu nhưng phải tuân thủ các điều kiện để có thể phát hành trái phiếu, cách an toàn nhất để huy động thêm vốn hay tăng vốn điều lệ là các thành viên sẽ cùng nhau góp thêm vốn, nếu các thành viên không thể góp thêm vốn thì công ty có thể huy động vốn từ người bên ngoài công ty, tức là kết nạp thêm thành viên mới nhưng phương pháp này rất dễ dẫn đến mất đi tính đối nhân của công ty.

Thứ ba, các thành viên không thể rút vốn trực tiếp ra khỏi công ty mà phải thông qua việc yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp hay chuyển nhượng cho các thành viên khác hay người ngoài công ty. Ngay cả khi thành viên là cá nhân chết hay tổ chức bị giải thể hoặc phá sản thì việc rút lại phần vốn góp của mình một cách trực tiếp cũng không thể thực hiện. Việc giảm vốn điều lệ của công ty TNHH hai thành viên cũng không thể tự do thực hiện mà chỉ được phép giảm trong một số trường hợp đặc biệt và luôn phải đăng ký thay đổi vốn điều lệ với Cơ quan đăng ký kinh doanh.

Nhược điểm cuối cùng là mặc dù mang tính đối nhân, nhưng với số lượng thành viên nhiều cộng với cùng điều hành hoạt động của công ty sẽ dễ dẫn đến tình trạng thao túng quyền lực vào tay các thành viên sở hữu phần vốn góp lớn và dễ gây chia rẽ trong nội bộ các thành viên thành các nhóm lợi ích khác nhau, tranh giành sức ảnh hưởng đối với công ty. Khác với CTHD là các thành viên có thể tự mình và độc lập với các thành viên khác trong việc đưa ra các quyết định trong hoạt động kinh doanh nhân danh công ty, công ty TNHH hai thành viên trở lên chức danh Giám đốc/Tổng giám đốc có thể điều hành mọi hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty đều phải qua định hướng, chiến lược và nghị quyết của Hội đồng thành viên, Hội đồng thành viên là cơ quan có quyền lực tối cao trong công ty nhưng chịu sự chi phối, chung tay của rất nhiều người nên rất dễ dẫn đến tình

trạng các thành viên sẽ chia rẽ, đấu đá và tranh giành quyền hạn trong việc điều hành công ty.

8. Khi nào nên chọn loại hình công ty TNHH hai thành viên trở lên

Đây cũng là sự lựa chọn phù hợp cho các doanh nghiệp muốn đi theo hướng đa ngành nghề, đa lĩnh vực kinh doanh. So với CTCP, CTHD hay DNTN thường chỉ đi về một chuyên ngành, lĩnh vực hoặc các ngành nghề, lĩnh vực có liên hệ mật thiết với nhau.

Loại hình công ty TNHH hai thành viên với chế độ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi số vốn điều lệ và nhiều chủ sở hữu, tập hợp được nhiều thành viên có nhiều kinh nghiệm, kiến thức trên đa dạng các lĩnh vực của nền kinh tế cùng quản lý hoạt động kinh doanh của công ty. Thật vậy, trong hệ thống các doanh nghiệp tại Việt Nam, các công ty vừa có các hoạt động sản xuất và kinh doanh hay sản xuất đa dạng các mặt hàng, kinh doanh trên nhiều lĩnh vực tập trung chủ yếu vào loại hình công ty TNHH mà đặc biệt là mô hình công ty TNHH hai thành viên trở lên.

Cũng giống như loại hình công ty TNHH một thành viên, mô hình hai thành viên trở lên cũng phù hợp với rất nhiều ngành nghề, lĩnh vực trong nền kinh tế. Loại trừ các lĩnh vực rủi ro cao về vốn, cần một nguồn vốn lớn và vững mạnh như tín dụng, bất động sản, vận tải quốc tế, hàng không,... thì loại hình công ty TNHH có thể được lựa chọn với tất cả các ngành nghề, lĩnh vực còn lại. Thông thường, các ngành sản xuất, chế biến với hệ thống máy móc, dây chuyền phức tạp, tạo ra các sản phẩm tiêu dùng, điện tử,... đều lựa chọn loại hình doanh nghiệp này vì không chỉ có thể có được một nguồn vốn lớn đủ để hoạt động mà còn là tính an toàn, tin cậy giữa các thành viên trong công ty.

Mô hình này sẽ là lựa chọn thích hợp cho các cá nhân tổ chức thân quen nhau, muốn cùng nhau hoạt động kinh doanh trong phạm vi an toàn về tính rủi ro. Không giống với mô hình CTHD nặng tính đối nhân chỉ có cá nhân có thể tham gia và chịu trách nhiệm vô hạn nên rủi ro rất cao, công ty TNHH vừa đảm bảo tính đối nhân nhưng các tổ chức cũng có thể tham gia vào công ty và đặc biệt là sự an toàn trong chế độ chịu trách nhiệm.

Đây là loại hình doanh nghiệp đối vốn nhưng đảm bảo tính an toàn, quen biết giữa các thành viên, tránh được tình trạng quá nhiều thành viên và các thành viên có thể không hề quen biết nhau như trong CTCP, mang tính đối nhân nhưng không phải đối mặt với tính rủi ro và trách nhiệm cá nhân cao như trong CTHD, cũng không mang tính đơn độc và nguồn vốn ít như mô hình một chủ sở hữu. Đây chính là những nguyên nhân khiến cho loại hình doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên ngày càng được các chủ thể lựa chọn khi tham gia vào nền kinh tế.

V. CÔNG TY CỔ PHẦN

1. Tổng quát

CTCP là loại hình doanh nghiệp được hình thành và phát triển bởi sự góp vốn của nhiều cổ đông. Vốn điều lệ trong CTCP được chia nhỏ ra thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần, các chủ thể sở hữu những cổ phần đó (có thể là tổ chức hoặc cá nhân) được gọi là cổ đông. Vì CTCP có tư cách pháp nhân và tồn tại độc lập với các chủ sở hữu nên các cổ đông trong CTCP chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi số vốn mà mình đã góp vào công ty, khi công ty giải quyết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác bằng chính vốn điều lệ và tài sản đứng tên mình, tài sản cá nhân của các cổ đông không bị ảnh hưởng. Công ty cổ phần là loại hình doanh nghiệp duy nhất hiện nay có quyền phát hành cổ phần các loại để huy động vốn nên CTCP có cấu trúc vốn và tài chính rất linh hoạt, là loại hình doanh nghiệp đặc trưng về tính đối vốn, vốn là yếu tố chi phối mọi hoạt động của công ty, quyền lực trong công ty chủ yếu tập trung vào cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu phần vốn góp lớn⁵².

Loại hình doanh nghiệp này có cơ cấu tổ chức và quản lý phức tạp nhất trong tất cả các loại hình doanh nghiệp hiện nay và chịu sự ràng buộc chặt chẽ của pháp luật trong mọi hoạt động của công ty. Luật doanh nghiệp 2014 quy định về cơ cấu tổ chức của CTCP bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng giám đốc và Ban kiểm soát (có thể là Ban kiểm soát độc lập hoặc trực thuộc Hội đồng quản trị). Người đại diện theo pháp luật của CTCP cũng được ấn định là chỉ có thể được chọn trong Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc/Tổng giám đốc trong trường hợp chỉ có một người đại diện⁵³. Vì đây là loại hình có nhiều cổ đông, tập hợp lợi ích của rất nhiều người nên pháp luật dành nhiều sự quản lý, ràng buộc đối với CTCP nhằm bảo vệ tốt nhất lợi ích cho các cổ đông công ty và đảm bảo sự tồn tại ổn định của CTCP.

Không những cơ cấu tổ chức phức tạp, số loại cổ phần của CTCP cũng rất đa dạng, bao gồm nhiều loại với những đặc điểm, tính chất khác nhau, các loại cổ phần trong CTCP bao gồm: Cổ phần phổ thông; cổ phần ưu đãi biểu quyết; cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và các loại cổ phần khác do công ty tự quy định trong điều lệ của mình. Các cổ đông sở hữu các loại cổ phần khác nhau cũng có những quyền lợi và trách nhiệm khác nhau và để sở hữu mỗi loại cổ phần đó thì cổ đông cũng phải đáp ứng được các yêu cầu về điều kiện theo quy định của pháp luật để có thể sở hữu được loại cổ phần mình mong muốn.

Số cổ đông tối thiểu của CTCP theo Luật doanh nghiệp 2014 là 3 và không hạn chế số lượng tối đa, nên các CTCP lớn thông thường có số lượng cổ đông vô cùng lớn, các cổ đông có thể

⁵² Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 110.

⁵³ Xem thêm Luật doanh nghiệp 2014 Điều 134.

hoàn toàn không quen biết nhau và có thể tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho bất kỳ ai mà không chịu nhiều sự ràng buộc của pháp luật nên CTCP hoàn toàn không có tính đối nhân như loại hình công ty TNHH hai thành viên trở lên và CTHD. Các cổ đông trong CTCP có thể là cá nhân hoặc là tổ chức, nói chung loại hình doanh nghiệp này không phân biệt ai sẽ là cổ đông của công ty mà chỉ cần chú trọng vào nguồn vốn huy động được từ các cổ đông. Các cổ đông góp vốn cổ phần, tham gia xây dựng và ký tên vào bản điều lệ đầu tiên của CTCP được gọi là cổ đông sáng lập của công ty, CTCP phải có ít nhất 3 cổ đông sáng lập khi đăng ký kinh doanh (trừ trường hợp chuyển đổi từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước hoặc công ty TNHH hoặc được chia, tách, hợp nhất, sát nhập từ CTCP khác thì không bắt buộc phải có cổ đông sáng lập), các cổ đông sáng lập của CTCP phải cùng nhau đăng ký mua ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền phát hành tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp.

CTCP đang là loại hình doanh nghiệp được nhà nước Việt Nam chú trọng khuyến khích phát triển vì tính linh hoạt về vốn, quy mô lớn, tính ổn định cao nên CTCP có thể gây ảnh hưởng mạnh đến sự lưu thông vốn trong nền kinh tế, thúc đẩy nhanh phát triển kinh tế bởi tính năng động của mình. Đây còn là loại hình doanh nghiệp bắt buộc để niêm yết thị trường chứng khoán. CTCP sẽ ngày càng có sức hút mạnh mẽ và được ưa chuộng hơn các loại hình doanh nghiệp khác đối với hoạt động đầu tư trong và ngoài nước.

2. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ trong CTCP là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại. Tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp, vốn điều lệ của CTCP là tổng giá trị cổ phần đã được đăng ký mua và được ghi trong Điều lệ của công ty, tức tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp⁵⁴, CTCP chưa bắt buộc phải hoàn thành việc bán số cổ phần như ghi trong vốn điều lệ mà chỉ cần được đăng ký mua bởi các cổ đông thì số cổ phần đó vẫn được ghi nhận là “cổ phần đã bán”, kể từ sau thời điểm đăng ký kinh doanh, số cổ phần đã bán là số cổ phần các loại đã được mua và được thanh toán bởi các cổ đông.

CTCP chỉ được giảm vốn điều lệ trong một số trường hợp đặc biệt sau:

- Điều chỉnh lại vốn điều lệ do các cổ đông không thanh toán đủ cho công ty như đã cam kết mua trước thời điểm đăng ký doanh nghiệp⁵⁵ khiến cho vốn điều lệ thực góp thấp hơn vốn điều lệ ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Công ty mua lại cổ phần đã phát hành theo yêu cầu của cổ đông khi cổ đông đó biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ

⁵⁴ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 111.1.

⁵⁵ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 112.3.d.

của cổ đông tại Điều lệ công ty⁵⁶. Công ty cũng có thể mua lại cổ phần với tỷ lệ không quá 30% đối với cổ phần cổ thông và không giới hạn đối với cổ phần ưu đãi cổ tức theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông⁵⁷;

- Công ty quyết định hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty nếu công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục trong 02 năm kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông⁵⁸.

CTCP tăng vốn điều lệ thông qua hoạt động chào bán cổ phần. Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động. Sau khi hoàn thành việc bán cổ phần, trong vòng 10 ngày công ty phải tiến hành đăng ký thay đổi vốn điều lệ với Cơ quan đăng ký kinh doanh. Hoạt động chào bán cổ phần có thể được thực hiện dưới các hình thức sau:

- Chào bán cho các cổ đông hiện hữu, công ty sẽ tăng số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán toàn bộ cho các cổ đông hiện có của công ty theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại công ty;
- Chào bán cổ phần ra công chúng, là hoạt động công ty chào bán cổ phần niêm yết và đại chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán;
- Chào bán cổ phần riêng lẻ, là hoạt động tăng vốn điều lệ thông qua việc chào bán cổ phần trực tiếp, không qua các phương tiện thông tin đại chúng cho các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc với tổng không quá 100 nhà đầu tư chứng khoán không chuyên nghiệp.

3. Cổ phần – cổ đông

Cổ phần là phần vốn được chia nhỏ trong CTCP. Các tổ chức, cá nhân nắm giữ cổ phần được gọi là cổ đông của công ty. CTCP có thể có nhiều loại cổ phần khác nhau, các loại cổ phần khác nhau sẽ đem lại cho cổ đông nắm giữ chứng những quyền lợi và nghĩa vụ khác nhau trong công ty, quy định của pháp luật về phương thức chuyển nhượng đối với từng loại cổ phần cũng không giống nhau.

3.1. Cổ phần phổ thông – cổ đông phổ thông

⁵⁶ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 129.

⁵⁷ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 130.

⁵⁸ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 111.5.a.

Cổ phần phổ thông là loại cổ phần bắt buộc đối với loại hình doanh nghiệp CTCP, người sở hữu cổ phần phổ thông được gọi là cổ đông phổ thông⁵⁹. Cổ phần phổ thông không được chuyển đổi thành các loại cổ phần khác nhưng các loại cổ phần khác có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông⁶⁰.

Cổ đông phổ thông trong CTCP có quyền tham dự và phát biểu trong các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần tương ứng với một phiếu biểu quyết, các cổ đông nắm càng nhiều cổ phần phổ thông thì sẽ có càng nhiều phiếu biểu quyết, do đó quyền lực của cổ đông hoàn toàn phụ thuộc vào số cổ phần họ nắm giữ⁶¹;

Cổ tức trả cho cổ đông phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty chỉ được phép trả cổ tức cho cổ đông phổ thông khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế, tài chính khác đối với nhà nước và đã bù đắp hết các khoản thua lỗ trước đó đồng thời đảm bảo được sau khi trả hết cổ tức thì công ty vẫn đủ khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty⁶².

Cổ đông phổ thông không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.⁶³

3.2. Cổ phần ưu đãi biểu quyết – cổ đông ưu đãi biểu quyết

Cổ phần ưu đãi biểu quyết là cổ phần có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với số cổ phần phổ thông. Cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết gọi là cổ đông ưu đãi biểu quyết. Điều lệ công ty sẽ quy định cụ thể số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết của công ty mình⁶⁴.

Cổ phần ưu đãi biểu quyết trong công ty sẽ ưu tiên cho cổ đông nắm giữ nó quyền quyết định cao hơn về các vấn đề và hoạt động của công ty, do đó không phải ai cũng có thể sở hữu được loại cổ phần này và loại cổ phần này cũng không được phép chuyển nhượng. Chỉ có tổ chức được Chính phủ ủy quyền và cổ đông sáng lập mới được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu

⁵⁹ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 113.1.

⁶⁰ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 113.6.

⁶¹ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 114.

⁶² Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 132.2.

⁶³ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 115.1.

⁶⁴ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 116.1.

quyết⁶⁵. Đối với cổ phần ưu đãi biểu quyết do cổ đông sáng lập nắm giữ thì chỉ có hiệu lực trong vòng 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập doanh nghiệp, sau thời gian này, cổ phần ưu đãi biểu quyết do cổ đông sáng lập nắm giữ sẽ chuyển thành cổ phần phổ thông và quyền biểu quyết được ưu đãi từ loại cổ phần này đối với cổ đông sáng lập cũng không còn.

Cổ phần ưu đãi biểu quyết là một cơ chế bảo vệ cho các CTCP trong thời gian đầu mới thành lập, hoạt động chưa đi vào ổn định. Trong thời gian đầu non yếu này, CTCP rất cần phát huy vai trò của cổ đông sáng lập (hoặc của các chủ thể được Chính phủ ủy quyền trong trường hợp CTCP không có cổ đông sáng lập), các cổ đông này cần có tiếng nói mạnh hơn các cổ đông phổ thông góp vốn khác. Nếu để nhiều cổ đông phổ thông không phải là người sáng lập ra công ty nhưng cũng có quyền biểu quyết ngang với các cổ đông sáng lập hoặc hơn vì sở hữu phần vốn góp lớn thì công ty sẽ dễ vướng phải rối rắm, suy yếu thậm chí phá sản khi vừa mới đi vừa mới thành lập. Do đó, đây là loại cổ phần nên được ưu tiên phát hành bên cạnh loại cổ phần phổ thông bắt buộc trong thời gian mới đi vào hoạt động của CTCP.

Quy định về cổ phần ưu đãi biểu quyết giành ưu thế cho cổ đông sáng lập trong quyền quyết định đối với công ty khi thành lập, tránh được sự can thiệp của các đối thủ bên ngoài hay những người không thật sự có kiến thức, kinh nghiệm quản lý, điều hành công ty. Pháp luật không cho phép cổ đông sáng lập chuyển nhượng loại cổ phần này cho người khác nhằm bảo vệ tối ưu ưu thế quyết định của cổ đông sáng lập trong công ty, người bên ngoài không phải là cổ đông sáng lập sẽ không có cách nào để nắm giữ loại cổ phần đặc biệt này. Sau 03 năm, CTCP đã có một khoản thời gian để đi vào hoạt động ổn định, thì vai trò của cổ đông sáng lập sẽ trở về như những cổ đông thông thường như các cổ đông khác, tức là hoàn toàn phụ thuộc vào số cổ phần mình nắm giữ. Do vậy, Luật doanh nghiệp 2014 chỉ quy định thời hạn của cổ phần ưu đãi biểu quyết là 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, 03 năm là khoản thời gian dự trù hợp lý cho các CTCP ổn định các hoạt động kinh doanh của mình⁶⁶.

Luật doanh nghiệp 2014 không nêu rõ kể từ sau thời điểm thành lập ban đầu, CTCP có quyền phát hành thêm cổ phần ưu đãi biểu quyết hay không, trên thực tế hoạt động tăng vốn điều lệ của các CTCP chỉ dựa trên việc phát hành và chào bán cổ phần phổ thông. Xét trong quy định về thời hạn mà Luật doanh nghiệp 2014 dành cho cổ phần ưu đãi biểu quyết là 03 năm sau ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì loại cổ phần này chỉ được phát

⁶⁵ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 113.3.

⁶⁶ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014 Điều 113.3.

hành vào thời điểm thành lập mới công ty mà thôi, như vậy cổ phần ưu đãi biểu quyết chỉ có trong 03 năm đầu thành lập của một CTCP.

3.3. *Cổ phần ưu đãi cổ tức – Cổ đông ưu đãi cổ tức*

Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ đông nắm giữ loại cổ phần ưu đãi cổ tức được gọi là cổ đông ưu đãi cổ tức⁶⁷.

Cổ tức hằng năm được chia cho cổ đông ưu đãi cổ tức bao gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của công ty, tức là không kể đến kết quả kinh doanh của công ty là thua lỗ hay có lời cao, mức cổ tức trả cho cổ đông ưu đãi cổ tức sẽ luôn luôn cố định. Cổ tức thưởng sẽ tùy thuộc vào quyết định của công ty, thông thường mức thưởng này sẽ phụ thuộc vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Các cổ đông ưu đãi cổ tức không có quyền dự họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát⁶⁸. Để tránh hiểu nhầm, cần hiểu rõ rằng cổ phần ưu đãi cổ tức không làm phát sinh quyền điều hành, quản lý của người nắm giữ chúng trong CTCP chứ không tước đoạt quyền này của chủ sở hữu cổ phần, nghĩa là nếu cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi cổ tức cũng đồng thời là cổ đông phổ thông hay cổ đông ưu đãi biểu quyết thì cổ đông đó vẫn có quyền biểu quyết theo quy chế dành cho cổ đông phổ thông và cổ đông biểu quyết, cổ phần ưu đãi cổ tức chỉ dành cho chủ sở hữu phần cổ tức cao hơn thông thường nhưng không có giá trị trong việc tạo ra phiếu biểu quyết hay quyền quyết định các vấn đề trong công ty cho người sở hữu chúng.

Cổ phần ưu đãi cổ tức phù hợp với các nhà đầu tư muốn góp vốn vào CTCP chỉ với mục tiêu sinh lợi nhuận, không muốn can thiệp hay nhúng tay vào các quyết định của công ty, ưu điểm của loại cổ phần này là sẽ luôn nhận được mức cổ tức ổn định bất kể kết quả kinh doanh của công ty như thế nào. Cơ chế về cổ phần ưu đãi cổ tức giúp CTCP có thể thu hút vốn nhanh (nhờ ưu đãi hấp dẫn về lợi nhuận) của các nhà đầu tư nhưng đồng thời cũng tránh được tình trạng phân tán quyền lực trong công ty vì cổ phần ưu đãi cổ tức không phát sinh quyền lực điều khiển công ty. Tuy nhiên, vì phải trả cổ tức cao không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh nên loại cổ phần này cũng có thể đem lại cho CTCP những bất lợi nhất định, đặc biệt là khi hoạt động kinh doanh thua lỗ, công ty vẫn phải trả mức cổ tức cao và cố định cho cổ đông ưu đãi cổ tức.

⁶⁷ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 117.1.

⁶⁸ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 117.3.

3.4. *Cổ phần ưu đãi hoàn lại – Cổ đông ưu đãi hoàn lại*

Cổ phần ưu đãi hoàn lại là loại cổ phần sẽ được công ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của chủ sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại, cổ đông nắm giữ loại cổ phần này được gọi là cổ đông ưu đãi hoàn lại⁶⁹.

Khác với các cổ đông khác về việc không được rút vốn ra khỏi công ty ngoài việc chuyển nhượng cổ phần cho người khác, cổ đông ưu đãi hoàn lại có thể rút vốn ra khỏi CTCP, đây chính là ưu điểm lớn nhất của loại cổ phần này, hỗ trợ khả năng thu hút vốn của CTCP. Cổ đông ưu đãi hoàn lại cũng không có quyền dự họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát⁷⁰.

Phát hành và chào bán cổ phần ưu đãi hoàn nhằm giúp cho CTCP thu hút vốn nhưng quyền chỉ đạo, điều hành công ty không bị phân tán hay thay đổi. Loại cổ phần này đặc biệt thu hút các nhà đầu tư mong muốn được an toàn với phần vốn đầu tư của mình. Nếu đầu tư vào các loại cổ phần khác như cổ phần phổ thông hay cổ phần ưu đãi cổ tức, sẽ khó có thể rút vốn theo ý muốn của mình, việc rút vốn phải thông qua hoạt động chuyển nhượng có thể dẫn đến mất thời gian và có thể không tìm được người nhận chuyển nhượng, khi công ty lâm vào giải thể hay phá sản sẽ phải đối mặt với nguy cơ mất đi phần vốn đã đầu tư, việc đầu tư vào cổ phần ưu đãi hoàn lại khiến cho chủ sở hữu yên tâm về khả năng lấy lại vốn khi công ty có dấu hiệu kinh doanh thua lỗ kéo dài hay không còn có tiềm năng phát triển, cổ đông ưu đãi hoàn lại có thể nhanh chóng lấy lại phần vốn đầu tư của mình khi không còn tin tưởng vào công ty mà không cần phải tìm người chuyển nhượng. Loại cổ phần này sẽ dễ được đầu tư bởi các cá nhân, hộ gia đình.

3.5. *Chào bán cổ phần*

CTCP tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Chào bán cổ phần là hoạt động tăng vốn chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp 2014 và Luật Chứng khoán. Chào bán cổ phần có thể được thực hiện dưới nhiều hình thức tùy thuộc vào nhu cầu và điều kiện của công ty:

- Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu, các cổ đông của công ty được quyền ưu tiên mua thêm cổ phần theo tỷ lệ cổ phần hiện có của mình tại công ty khi công ty tăng vốn điều lệ. Luật doanh nghiệp 2014 chỉ quy định về cách thức thực hiện chào bán cổ phần

⁶⁹ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 118.1.

⁷⁰ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 118.3.

cho cổ đông hiện hữu đối với CTCP không phải là CTCP đại chúng, đối với CTCP đại chúng⁷¹ sẽ phải thực hiện theo quy định của Luật chứng khoán.

Sau khi chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu, nếu số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị có thể chào bán cổ phần đó ra công chúng, người mua có thể là cổ đông hoặc người khác. Giá bán cổ phần ra công chúng không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất. Các điều kiện về chào bán cổ phần ra công chúng không được thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận chào bán với những điều kiện thuận lợi hơn hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán⁷².

- Chào bán cổ phần riêng rẽ là hoạt động chào bán cổ phần phải tuân thủ theo các quy định cụ thể của pháp luật về chào bán cổ phần riêng lẻ, đây là một hoạt động tăng vốn điều lệ phức tạp, chịu nhiều sự điều chỉnh của pháp luật.

3.6. *Chuyển nhượng cổ phần*

Việc chuyển nhượng cổ phần trong CTCP được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường như một giao dịch dân sự hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, theo quy định riêng của pháp luật về chứng khoán. Việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông có thể thông qua mua bán, tặng cho, để thừa kế, dùng cổ phần để trả nợ... người nhận chuyển nhượng cổ phần sẽ đương nhiên trở thành cổ đông của công ty⁷³.

Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì cổ phần của họ sẽ được tự động chuyển nhượng cho những người thừa kế, và người thừa kế sẽ đương nhiên trở thành cổ đông của công ty. Nếu không có người thừa kế cổ phần của cổ đông đã chết, hoặc người thừa kế từ chối nhận di sản hay bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông sẽ được xem là di sản không người thừa kế và được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự⁷⁴.

3.7. *Mua lại cổ phần*

⁷¹ CTCP đại chúng là những công ty thực hiện huy động vốn rộng rãi thông qua phát hành chứng khoán được niêm yết trên sàn chứng khoán hoặc giao dịch thông qua các thể chế môi giới chứng khoán.

⁷² Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 124.3, Điều 122.3.

⁷³ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 126.2, 5.

⁷⁴ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 126.3, 4.

Mua lại cổ phần trong CTCP được thực hiện khi công ty tự mua lại cổ phần do mình bán ra và mua lại cổ phần của cổ đông theo yêu cầu của họ.

Khi cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông trong Điều lệ của công ty có thể yêu cầu công ty mua lại phần cổ phần của mình. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Đối với cổ phần phổ thông, CTCP có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần đã bán và có quyền mua lại một phần hay toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán. Trong đó Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong vòng 12 tháng, các trường hợp mua khác sẽ thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Công ty có thể quyết định mua lại cổ phần của tất cả các cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty.

Công ty chỉ được phép thanh toán cổ phần được mua lại từ cổ đông nếu công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi thanh toán mua cổ phần. Cổ phần được mua lại sẽ được xem là cổ phần chưa bán của công ty và công ty phải làm thủ tục giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá cổ phần được mua lại⁷⁵.

4. Cổ tức

CTCP có thể trả cổ tức bằng tiền mặt Việt Nam đồng, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác, hình thức chi trả có thể thanh toán bằng séc, chuyển khoản, chuyển quyền sở hữu hay gửi thông qua đường bưu điện cho cổ đông... Trường hợp công ty chi trả cổ tức bằng cổ phần thì công ty phải tiến hành chào bán cổ phần đối với số cổ phần dùng để trả cổ tức như trường hợp phát hành cổ phần⁷⁶.

Những cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong khoản thời gian từ sau khi bản danh sách cổ đông được nhận cổ tức được lập xong đến trước ngày chi trả cổ tức thì cổ đông đó vẫn là người nhận cổ tức của lần chi trả đó đối với phần cổ phần đã chuyển nhượng.

5. Trái phiếu

Trái phiếu của CTCP là một loại chứng khoán do CTCP phát hành nhằm vay vốn của các nhà đầu tư mà không làm thay đổi vốn điều lệ, người mua trái phiếu (trái chủ) sẽ không trở thành cổ đông của công ty mà được gọi là chủ nợ, trái chủ không có quyền tham gia điều hành, quản

⁷⁵ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 129, 130, 131.

⁷⁶ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 132.3.

lý CTCP. Không giống với cổ phần không có hạn định, cổ phiếu thường xác định một thời hạn cụ thể và công ty phải trả khoản vay khi trái phiếu đáo hạn đồng thời trả lãi theo định kỳ không phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Theo quy định của pháp luật thì Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo với Đại hội đồng cổ đông⁷⁷.

Trái phiếu cũng có thể được mua bằng nhiều cách thức khác nhau như tiền mặt Việt Nam đồng, ngoại tệ, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật và các tài sản khác được phép giao dịch theo quy định của Điều lệ công ty, việc mua trái phiếu phải thanh toán đủ một lần⁷⁸.

Phát hành trái phiếu cũng là một kênh huy động vốn hữu hiệu của CTCP. Việc phát hành trái phiếu của CTCP giúp tăng thêm nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh nhưng cơ cấu tổ chức quản lý và vốn điều lệ của công ty không bị thay đổi. Việc mua trái phiếu của CTCP là lựa chọn thích hợp cho các cá nhân, tổ chức muốn đầu tư tạm thời trong một khoản thời gian ngắn, được hoàn trả lại vốn và nhận phần lãi suất định kỳ không phụ thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh của công ty.

CTCP có thể phát hành một loại trái phiếu đặc biệt là trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần, đây là loại trái phiếu sẽ chuyển thành cổ phần của CTCP sau khoản thời gian do công ty ấn định, trái chủ sau một thời gian là chủ nợ của công ty, được hưởng mức lãi suất cố định sẽ trở thành cổ đông của công ty, trở thành thành viên và được tham gia vào hoạt động điều hành, quản lý của Đại hội đồng cổ đông.

6. Cơ cấu tổ chức

CTCP là công ty đại chúng sẽ phải tuân thủ các quy định của Luật chứng khoán về tổ chức công ty. Đối với các CTCP không phải là công ty đại chúng, Luật doanh nghiệp 2014 cho phép CTCP được lựa chọn một trong hai mô hình cơ cấu tổ chức sau đây⁷⁹:

Mô hình 1: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (không bắt buộc đối với CTCP có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% trở lên tổng số cổ phần của công ty), Giám đốc/Tổng giám đốc;

⁷⁷ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 127.4.

⁷⁸ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 127.5.

⁷⁹ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 134.1.

Mô hình 2: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc/Tổng giám đốc. Điều kiện đối với mô hình tổ chức này là phải có ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập và có Ban kiểm soát nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị.

6.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của CTCP, quyết định các vấn đề quan trọng, vạch định chính sách phát triển của công ty. Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, như vậy các cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi cổ tức và cổ phần ưu đãi hoàn lại nhưng không nắm giữ thêm các loại cổ phần có quyền biểu quyết khác sẽ không là thành viên của Đại hội đồng cổ đông mặc dù vẫn là cổ đông của công ty vì các cổ đông này có quyền và lợi ích không phụ thuộc nhiều vào kết quả kinh doanh của CTCP⁸⁰.

Đại hội đồng cổ đông trong CTCP không có chức danh đứng đầu, việc điều hành cuộc họp, triệu tập Đại hội đồng cổ đông sẽ giao cho Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị. Các thành viên của Đại hội đồng cổ đông đều có quyền biểu quyết, nhưng số phiếu biểu quyết sẽ phụ thuộc vào số cổ phần mà cổ đông đó nắm giữ, các thành viên sở hữu càng nhiều cổ phần thì số phiếu biểu quyết càng lớn.

6.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của CTCP⁸¹. Luật doanh nghiệp 2014 cho phép Điều lệ CTCP được quy định về số lượng cụ thể của Hội đồng quản trị của công ty mình nhưng không được ít hơn 03 và nhiều hơn 11 thành viên. Hội đồng quản trị được bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm bởi Đại hội đồng cổ đông với nhiệm kỳ không quá 05 năm⁸², nhiệm kỳ của mỗi thành viên không quá 05 năm và có thể không trùng lặp nhau.

Thành viên của Hội đồng quản trị phải có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty. Luật doanh nghiệp 2014 không nghiêm cấm thành viên của Hội đồng quản trị tham gia quản lý các CTCP khác vì CTCP xuất phát là trách nhiệm hữu hạn và chế độ quản lý tập thể của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị dẫn đến việc các thành viên của Hội đồng quản trị tham gia vào Hội đồng quản trị của công ty khác sẽ không ảnh hưởng đến khả năng thanh toán nợ của công ty⁸³.

⁸⁰ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 135.1.

⁸¹ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 149.1.

⁸² Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 150.1, 2.

⁸³ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 151.1.

Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị trong *mô hình 2* là một chế định rất nghiêm khắc của pháp luật dành cho loại hình doanh nghiệp CTCP⁸⁴ nhằm bảo đảm tính độc lập của loại thành viên này trong các quyết định của Hội đồng quản trị. Khi không có lợi ích quá nhiều liên quan đến quyết định của công ty thì các thành viên độc lập sẽ đưa ra các ý kiến khách quan, không bị ảnh hưởng bởi lợi ích tư, giảm thiểu trường hợp công ty rơi vào tay lợi ích cá nhân hay lợi ích nhóm.

Một thành viên trong số các thành viên của Hội đồng quản trị sẽ là người đứng đầu trong Hội đồng quản trị, được gọi là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu và bãi miễn bởi Hội đồng quản trị và có thể kiêm nhiệm Giám đốc/Tổng giám đốc công ty⁸⁵.

6.3. *Giám đốc/Tổng giám đốc công ty*

Giám đốc là chức danh được bổ nhiệm bởi Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ không quá 05 năm và không giới hạn số nhiệm kỳ. Giám đốc/Tổng giám đốc có thể là thành viên của Hội đồng quản trị hoặc người khác. Giám đốc/Tổng giám đốc sẽ thừa lệnh của Hội đồng quản trị thực hiện việc điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty và chịu sự giám sát cũng như chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các nghĩa vụ được giao⁸⁶.

6.4. *Ban kiểm soát*

Ban kiểm soát của CTCP được bầu bởi Đại hội đồng cổ đông, là cơ quan giám sát, đối trọng quyền lực với các cơ quan quyền lực là Hội đồng quản trị và Giám đốc/Tổng giám đốc, giúp minh bạch thông tin của CTCP và bảo đảm lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên không nhất thiết phải là cổ đông của công ty với nhiệm kỳ không quá 05 năm, kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Điều kiện về Kiểm soát viên và Ban kiểm soát trong CTCP được Luật doanh nghiệp quy định khá khắt khe nhằm tránh tình trạng giám sát không khách quan, bao che và tư lợi. Các kiểm soát viên sẽ cùng nhau bầu ra một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Luật doanh nghiệp 2014 quy định Trưởng Ban kiểm soát CTCP phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty⁸⁷.

Bên cạnh chức năng kiểm soát, đối trọng đối với Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý trong CTCP, Ban kiểm soát cũng chịu sự kiểm soát ngược từ phía Hội đồng quản trị. Khi Hội đồng quản trị khi phát hiện Kiểm soát viên có hành vi vi phạm có quyền và nghĩa vụ thông báo

⁸⁴ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 151.2.

⁸⁵ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 152.1.

⁸⁶ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 157.1, 2.

⁸⁷ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 163.1, 2.

về cho Ban kiểm soát và yêu cầu Kiểm soát viên đó chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả⁸⁸.

7. Cơ chế hoạt động

Loại hình doanh nghiệp CTCP có cơ chế hoạt động rất phức tạp, có sự phối hợp, liên kết và giám sát chặt chẽ giữa các cơ quan/chức danh quản lý khác nhau. Ngoại trừ chức danh Giám đốc/Tổng giám đốc hoạt động theo cơ chế lãnh đạo cá nhân, các cơ quan quản lý, điều hành cao trong CTCP là Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đều hoạt động theo cơ chế tập thể, quyết định theo đa số. CTCP là loại hình doanh nghiệp phức tạp về thành phần do đó cần có sự quản lý, điều hành chặt chẽ, đảm bảo tính dân chủ và lợi ích chung giữa các cổ đông. Dưới đây sẽ nêu các quy định về quản lý, điều hành của từng cơ quan/chức danh quản lý trong CTCP.

7.1. Đại hội đồng cổ đông

Với tư cách là cơ quan quyền lực tối cao trong CTCP, Đại hội đồng cổ đông sẽ họp thường niên mỗi năm một lần, ngoài các cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông cũng có thể họp bất thường khi có yêu cầu⁸⁹. Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông phải được tổ chức trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính⁹⁰. Cuộc họp Hội đồng cổ đông phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định của pháp luật về thủ tục mời họp, chuẩn bị chương trình, thảo luận và biểu quyết.

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trong hai cách sau: biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản⁹¹.

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc ngày ghi tại nghị quyết đó. Các nghị quyết được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết sẽ có hiệu lực ngay cả khi trình tự thủ tục thông qua không được thực hiện đúng như quy định⁹².

7.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị trong CTCP thực hiện quản lý, điều hành công ty theo cơ chế tập thể, đưa ra các quyết định bằng biểu quyết theo đa số tại các cuộc họp. Hội đồng quản trị họp định kỳ

⁸⁸ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 168.6.

⁸⁹ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 136.1.

⁹⁰ Thông thường là ngày 31 tháng 12 hằng năm.

⁹¹ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 143.1.

⁹² Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 148.1, 2.

ít nhất một lần vào mỗi quý và có thể họp bất thường theo triệu tập của Chủ tịch Hội đồng quản trị khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu, đề nghị của Ban kiểm soát, thành viên độc lập hoặc ít nhất 02 thành viên của Hội đồng quản trị⁹³.

Hội đồng quản trị phải chuẩn bị Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty; Báo cáo tài chính; Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty tại mỗi thời điểm kết thúc năm tài chính và gửi cho Ban kiểm soát thẩm định, sau đó trình cho Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua. Sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua, các tài liệu này phải được gửi tới cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền⁹⁴.

7.3. Giám đốc/Tổng giám đốc

Giám đốc/Tổng giám đốc CTCP điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty theo cơ chế thủ lĩnh dưới sự chỉ đạo của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết. Các nghị quyết và quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị sẽ được triển khai thực hiện thông qua hoạt động điều hành của Giám đốc/Tổng giám đốc. Giám đốc/Tổng giám đốc sẽ đại diện cho CTCP ký kết các hợp đồng, giao dịch của công ty (trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị), tổ chức phân công công việc đối với các quản lý khác lao động của công ty và các công việc khác liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần quyết định của Hội đồng quản trị.

Giám đốc/Tổng giám đốc phải lập báo cáo tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trước Hội đồng quản trị, cung cấp các tài liệu có liên quan đến việc điều hành và quản lý công ty theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

7.4. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát trong CTCP thực thi nhiệm vụ giám sát của mình thông qua các phương thức sau⁹⁵:

- Tham dự, phát biểu ý kiến và giám sát tính tuân thủ pháp luật và Điều lệ công ty đối với các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty;

⁹³ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 153.3, 4.

⁹⁴ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 170.

⁹⁵ Xem thêm Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 165, Điều 166.

- Tổ chức rà soát, kiểm tra và đánh giá các công tác quản lý nội bộ, kiểm toán nội bộ, điều hành công ty của các cơ quan, cá nhân nắm quyền quản lý, điều hành trong công ty, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty;
- Kiểm tra, xem xét báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh và các tài liệu có liên quan đến công ty đồng thời thẩm định, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các tài liệu;
- Thông báo với Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị khi phát hiện có sai phạm và kiến nghị sửa đổi khắc phục.

Ban kiểm soát báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về công tác của mình.

8. Ưu điểm

CTCP có nhiều ưu điểm lớn khiến cho loại hình doanh nghiệp này ngày được Nhà nước Việt Nam ưu tiên khuyến khích phát triển hiện nay.

Thứ nhất, là sự an toàn đối với nhà đầu tư, các cổ đông chỉ chịu TNHH trong phạm vi số cổ phần mà mình đã mua từ công ty, khi công ty mất khả năng thanh toán, giải thể hay phá sản thì các nguồn tài sản khác của các cổ đông không bị đe dọa.

Thứ hai, CTCP có khả năng huy động vốn cao và nhanh chóng với nhiều loại cổ phần, trái phiếu, thu hút được nhiều thành phần, đối tượng đầu tư vốn khác nhau (bao gồm cá nhân, tổ chức, kể cả cán bộ, công chức nhà nước) nên đây là loại hình doanh nghiệp có quy mô hoạt động lớn và mở rộng hoạt động kinh doanh một cách dễ dàng.

Thứ ba, CTCP được sự ưu ái của các nhà đầu tư bởi sự dễ dàng và thuận lợi trong thủ tục đầu tư và linh hoạt, nhanh chóng trong hoạt động chuyển nhượng cổ phần. Các nhà đầu tư có khả năng điều chỉnh nguồn vốn đầu tư của mình từ nơi này sang nơi khác, từ lĩnh vực này sang lĩnh vực khác một cách dễ dàng thông qua hình thức chuyển nhượng, mua bán cổ phần mà mình nắm giữ. Điều này tạo nên tính yên tâm đối với các nhà đầu tư khi có thể nắm giữ vận mệnh của số tiền đầu tư, có thể rút lui khỏi công ty khi không còn tin tưởng và có thể gia nhập vào công ty khi cảm thấy công ty có tiềm năng lợi nhuận, việc đa dạng về loại cổ phần và trái phiếu cũng giúp cho các nhà đầu tư có được nhiều kênh lựa chọn khi tham gia vào CTCP.

Thứ tư, cơ cấu tổ chức và quản lý, điều hành của CTCP khá chặt chẽ, đảm bảo tính hiệu quả và dân chủ cao do có sự kết hợp cơ chế lãnh đạo tập thể và điều hành cá nhân. CTCP có sự tách bạch giữa quản lý và sở hữu của công ty cũng giúp hoạt động của CTCP ổn định và mang tính khách quan.

Thứ năm, CTCP là loại doanh nghiệp tập hợp nhiều người cùng hợp tác kinh doanh, có thể huy động thêm vốn rất dễ dàng nên tính vững chãi và trường tồn rất cao, đây là loại hình doanh nghiệp phù hợp với kế hoạch kinh doanh quy mô lớn, ổn định và lâu bền.

Cuối cùng, CTCP có cơ chế công khai mọi thông tin về cổ đông, tài chính, kế toán và tình hình hoạt động kinh doanh khiến cho CTCP tạo sự an tâm cho đối tác khi tham gia giao dịch mặc dù CTCP chỉ chịu trách nhiệm hữu hạn đối với các khoản nợ và trách nhiệm tài sản. Các chủ thể kinh tế sẽ có sự tin tưởng và an tâm khi nắm rõ tất cả các thông tin về đối tác kinh doanh, ưu điểm này cùng với khả năng huy động vốn nhanh khiến cho CTCP dễ dàng tham gia vào các hợp đồng, giao dịch trong quá trình hoạt động kinh doanh.

9. Nhược điểm

CTCP là loại hình phức tạp nhất trong tất cả các loại hình doanh nghiệp nên bên cạnh các ưu điểm nổi bật vừa nêu, loại hình doanh nghiệp này vẫn tồn tại một số khuyết điểm không thể tránh khỏi xuất phát từ tính phức tạp của nó như sau:

Thứ nhất, CTCP khó khăn và phức tạp trong quản lý và điều hành, với số lượng cổ đông lớn, chỉ mang tính đối vốn nhưng không có tính đối nhân nên CTCP kèm với điều hành phức tạp do lượng cổ đông lớn còn đối mặt với tình trạng rất nhiều người không hề quen biết nhau, cùng lãnh đạo hoạt động của công ty. Trên thực tế, thành viên của Hội đồng quản trị thường được chọn ra từ các cổ đông lớn, các cổ đông này thông thường không quen biết nên Hội đồng quản trị có thể bao gồm các thành viên xa lạ và dễ gặp phải khó khăn trong việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo công ty.

Thứ hai, CTCP rất dễ rơi vào tình trạng thiếu đoàn kết nội bộ, chia rẽ lợi ích giữa các nhóm cổ đông. Nguyên nhân vì CTCP có lượng cổ đông lớn, từ nhiều thành phần khác nhau và đối kháng lợi ích giữa các cổ đông/nhóm cổ đông thường xuyên xảy ra dẫn đến phân chia lợi ích nhóm và tranh giành quyền lực kiểm soát hoạt động của công ty. Thông thường quyền lực trong CTCP sẽ rơi vào tay những cổ đông/nhóm cổ đông lớn, sở hữu nhiều cổ phần có quyền biểu quyết, sự tranh giành quyền lực cũng thường xuyên diễn ra giữa các cổ đông/nhóm cổ đông lớn này.

Thứ ba, khả năng bảo mật thông tin của CTCP rất kém. CTCP bị buộc phải công khai toàn bộ các thông tin về cổ đông, tình hình sản xuất kinh doanh, thông tin tài chính – kế toán định kỳ cho toàn bộ các cổ đông, đây là nhược điểm khiến các thông tin nội bộ của công ty rất dễ bị truyền ra bên ngoài. CTCP dễ bị đối thủ cạnh tranh nắm bắt thông tin và dễ dàng đánh mất niềm tin với đối tác khi tình hình hoạt động của công ty chỉ vừa mới suy giảm nhẹ.

Thứ tư, CTCP là loại hình doanh nghiệp mà cổ đông sáng lập rất dễ bị mất quyền kiểm soát và lãnh đạo công ty, ngoài quy định về mức sở hữu tối thiểu của các cổ đông sáng lập đối với cổ

phần phổ thông và quy chế về sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết vào thời gian đầu thành lập của công ty thì các cổ đông sáng lập không có thêm ưu thế gì so với các cổ đông còn lại, trong CTCP, cổ đông nào nắm giữ nhiều cổ phần thì sẽ có nhiều phiếu biểu quyết và ý kiến của cổ đông đó sẽ có sức nặng tương đồng với cổ phần sở hữu, cổ đông sáng lập cũng không ngoại lệ. Cùng với việc dễ dàng và tự do chuyển nhượng cổ phần, ở CTCP các tổ chức/cá nhân có tiềm lực kinh tế mạnh hoàn toàn dễ dàng thu tóm lượng cổ phần và đánh bật vai trò lãnh đạo của cổ đông sáng lập ra khỏi công ty.

Thứ năm, CTCP không linh hoạt trong các quyết định thay đổi về chiến lược và phát triển cũng như ngành nghề kinh doanh của công ty. Đối với các loại hình doanh nghiệp khác, đặc biệt là DNTN và công ty TNHH một thành viên có thể đưa ra các quyết định một cách nhanh chóng, thuận tiện trong khi CTCP có lượng cổ đông lớn, Đại hội đồng cổ đông quyết định các phương hướng, kế hoạch kinh doanh của công ty nhưng thủ tục triệu tập họp phức tạp và tốn nhiều thời gian từ hoạt động họp quyết định của Hội đồng quản trị để triệu tập Đại hội đồng thành viên và lên kế hoạch, chuẩn bị nội dung và tài liệu trước khi họp, chưa kể đến trường hợp không đạt điều kiện tiến hành họp nên phải tổ chức nhiều lần, bên cạnh đó Đại hội đồng là tập họp nhiều thành viên nên việc thảo luận và đưa ra ý kiến chung cũng không đơn giản. Nói tóm lại CTCP không có sự nhanh chóng và linh hoạt trong việc ứng phó với các tình hình mới tác động đến công ty.

Nhược điểm cuối cùng là trên thực tế, các cổ đông khi đầu tư vào CTCP chỉ nhắm vào mức cổ tức hằng năm, thiếu tinh thần trách nhiệm với hoạt động phát triển lâu dài của công ty, đặc biệt là các cổ đông vừa và nhỏ, điều này khiến CTCP trước sức ép lợi nhuận từ các cổ đông phải tập trung đầu tư ngắn hạn đảm bảo có lãi hàng năm để đáp ứng nhu cầu cổ tức cho các cổ đông mà phải bỏ qua các dự án đầu tư phát triển lâu dài cho công ty.

10. Khi nào nên chọn loại hình doanh nghiệp CTCP

Đối với người sáng lập doanh nghiệp, thì CTCP là loại hình doanh nghiệp nên được ưu tiên lựa chọn khi nhà đầu tư muốn chọn cho mình một quy mô kinh doanh dễ dàng được mở rộng, phát triển công ty theo hướng ổn định và lâu bền. Với những ưu điểm về khả năng huy động vốn, tính trường tồn, loại hình doanh nghiệp CTCP giúp cho nhà đầu tư có thể tham gia vào các quan hệ kinh tế lớn, có nhiều cơ hội để phát triển quy mô và phạm vi hoạt động kinh doanh của công ty, đây là loại hình thích hợp cho các nhà đầu tư yêu thích kinh doanh lớn nhưng vẫn đảm bảo được tính an toàn về mức độ rủi ro đối với tài sản cá nhân.

Đây cũng sẽ là loại hình doanh nghiệp cho các nhà đầu tư năng động, muốn và có thể cùng hợp tác với nhiều người, nhiều cá nhân/tổ chức kinh doanh tìm kiếm lợi nhuận, khác với các loại hình doanh nghiệp khác, vẫn còn mang nặng tính đối nhân, phụ thuộc vào mức độ quen biết, thân thuộc giữa các thành viên góp vốn, thì CTCP với tính đối vốn cao và gần như không

có tính đổi mới là loại hình doanh nghiệp mới, mang tính linh hoạt và táo bạo phù hợp với sự phát triển kinh tế hiện nay. CTCP hứa hẹn sẽ là kênh lựa chọn tối ưu cho những nhà sáng lập đề cao vấn đề vốn trong kinh doanh, chấp nhận hợp tác cùng kinh doanh với nhiều người không quen biết, có khả năng điều hành một doanh nghiệp đông thành viên và phức tạp trong cơ cấu tổ chức và quản lý.

Đối với nhà đầu tư góp vốn thì CTCP vẫn là nơi lựa chọn đáng tin cậy bởi tính minh bạch trong hoạt động và tính chặt chẽ trong quản lý, điều hành. Việc trở thành cổ đông của CTCP sẽ giúp các nhà đầu tư được pháp luật đảm bảo các quyền lợi về cổ tức, tham gia quản lý, quyết định các vấn đề của công ty và được quyền nắm giữ toàn bộ các thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh, sản xuất, tài chính – kế toán và các cổ đông của công ty. Bên cạnh đó, CTCP có nhiều loại cổ phần và trái phiếu khác nhau, chế độ chuyển nhượng đơn giản cũng sẽ phù hợp cho các nhà đầu tư khi muốn sử dụng nguồn vốn của mình một cách tự do, đơn giản và yên tâm trong vấn đề thông tin của doanh nghiệp.

CTCP với cơ cấu vốn linh hoạt, chế độ quản lý tập trung cao là loại hình doanh nghiệp phù hợp với tất cả mọi loại ngành nghề kinh doanh, sản xuất và dịch vụ trong nền kinh tế, đây cũng là loại hình doanh nghiệp không kén chọn quy mô hoạt động nhưng đặc biệt thích hợp cho các doanh nghiệp cỡ vừa và lớn. Thực tế ở Việt Nam, CTCP cũng là loại hình được ưu tiên lựa chọn trong những năm gần đây, những ngành nghề có nhu cầu về vốn càng cao thì càng thích hợp với loại hình doanh nghiệp CTCP, có những ngành nghề đặc biệt có điều kiện về vốn pháp định và quy mô hoạt động lớn như tín dụng – ngân hàng, vận tải quốc tế, hàng không, xây dựng, kinh doanh bất động sản thì CTCP là lựa chọn tối ưu nhất. Ngoài ra, đối với các ngành nghề hay hoạt động kinh doanh được nhà đầu tư hướng đến mở rộng phạm vi kinh doanh và sẽ cần một nguồn vốn lớn về lâu dài thì cũng nên lựa chọn loại hình doanh nghiệp này để có thể dễ dàng huy động thêm nguồn vốn từ bên ngoài hỗ trợ cho hoạt động của công ty khi cần thiết.

KẾT LUẬN

Luật doanh nghiệp 2014 ra đời hướng đến sự cải cách các quy định pháp luật về thành lập và quản lý doanh nghiệp theo hướng đơn giản hóa, tạo điều kiện cho sự phát triển các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế.

Thực tế trong những năm gần đây, số lượng các doanh nghiệp được thành lập mới tại Việt Nam gia tăng đáng kể. Để tạo thêm sự thuận lợi cho Quý khách hàng trước khi bắt tay vào thành lập doanh nghiệp, CNC vừa gửi tới Quý khách hàng những thông tin về tính chất, đặc điểm, cơ cấu tổ chức và quản lý, điều hành của các loại hình doanh nghiệp tại Việt Nam theo Luật doanh nghiệp 2014. Mỗi loại hình doanh nghiệp đều mang những ưu và nhược điểm riêng, thích hợp với từng ngành nghề, mục tiêu, quy mô kinh doanh cụ thể khác nhau, CNC hy vọng khách hàng sẽ trang bị được những kiến thức cơ bản để có thể lựa chọn được cho mình loại hình doanh nghiệp phù hợp khi bắt tay vào hoạt động kinh doanh.

Bản Phụ lục dưới đây, CNC xin đề cập đến hồ sơ, thời gian và thủ tục thành lập từng loại hình doanh nghiệp để Quý khách hàng thuận tiện và chủ động trong quá trình thành lập mới doanh nghiệp.

LIÊN HỆ

Để biết thêm thông tin, xin vui lòng liên hệ với luật sư của chúng tôi dưới đây

Luật sư Nguyễn Thị Diễm Tình | Cộng Sự

T: +84 8 6276 9900

E: tinh.nguyen@cncounsel.com

Luật sư Nguyễn Thị Kim Ngân | Cộng Sự Cấp Cao

T: +84 8 6276 9900

E: ngan.nguyen@cncounsel.com

Công ty Luật TNHH CNC Việt Nam

Lầu 3, Tòa nhà Sacombank, 63B Đường Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tel: +84-8 6276 9900

Fax: +84-8 2220 0913

E-mail: contact@cncounsel.com

cncounsel.com | a boutique property law firm

Miễn trừ:

Các nội dung nêu tại Bản Tin Hàng Tuần này không phản ánh bất kỳ quan điểm pháp lý nào trong quá khứ, hiện tại hay tương lai nào của CNC hay của bất kỳ nhân viên CNC nào. Bản Tin Hàng Tuần này không được xem chính xác và phù hợp cho bất kỳ vấn đề nào mà khách hàng có thể gặp phải. Không có bất kỳ thông tin được nêu tại Bản Tin Hàng Tuần này sẽ được xem là tạo thành một thoả thuận pháp lý nào giữa CNC và khách hàng. CNC từ chối bất kỳ trách nhiệm nào có thể phát sinh từ hoặc liên quan đến việc khách hàng viện dẫn bất kỳ nội dung nào của Bản Tin Hàng Tuần này để áp dụng cho trường hợp của mình. Khách hàng nên tham khảo ý kiến pháp lý cụ thể cho từng trường hợp mà khách hàng gặp phải.

Phụ Lục 1 [Thủ Tục Thành Lập Mới Doanh Nghiệp]

Loại hình DN	Hồ sơ	Cơ quan tiếp nhận hồ sơ	Thời hạn giải quyết hồ sơ
DNTN	<ol style="list-style-type: none"> Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp theo mẫu; Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân còn hiệu lực của chủ DNTN: CMTND hoặc Hộ chiếu; Mục lục hồ sơ; Bìa hồ sơ; Thông tin người nộp hồ sơ. 	Phòng đăng ký kinh doanh của cơ quan đăng ký kinh doanh Tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương.	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
CTHD	<ol style="list-style-type: none"> Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh theo mẫu; Điều lệ công ty; Danh sách thành viên; Bản sao Thẻ căn cước công dân, CMTND, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp của các thành viên; Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với nhà đầu tư nước ngoài; Mục lục hồ sơ; Bìa hồ sơ; Thông tin người nộp hồ sơ. 		
Công ty TNHH (bao gồm mô hình một thành viên và hai thành viên trở lên)	<ol style="list-style-type: none"> Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp theo mẫu; Điều lệ công ty; Danh sách thành viên (Không cần đối với mô hình một thành viên); Bản sao căn cước công dân, CMTND, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp của các thành viên là cá nhân; Bản sao Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức và văn bản ủy quyền; thẻ căn cước công dân, CMTND, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ 		

	<p>chức (phải được hợp pháp hóa lãnh sự đối với thành viên là tổ chức nước ngoài);</p> <ol style="list-style-type: none"> 6. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài; 7. Mục lục hồ sơ; 8. Bìa hồ sơ; 9. Thông tin người nộp hồ sơ. 		
<p>CTCP</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp; 2. Điều lệ công ty; 3. Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài; 4. Bản sao Căn cước công dân, CMTND, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp của các cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; 5. Bản sao Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức và văn bản ủy quyền; Thẻ căn cước công dân, CMTND, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức (đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương phải được hợp pháp hóa lãnh sự); 6. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật đầu tư; 7. Mục lục hồ sơ; 8. Bìa hồ sơ; 9. Thông tin người nộp hồ sơ. 		

Phụ Lục 2 [Bảng So Sánh Các Loại Hình Doanh Nghiệp Theo Luật Doanh Nghiệp 2014]

	DNTN	Công ty TNHH MTV	Công ty TNHH HTV	CTHD	CTCP
Thành lập công ty					
Số lượng chủ sở hữu	01 cá nhân	01 cá nhân hoặc tổ chức	Từ 02 đến dưới 50 (cá nhân hoặc tổ chức)	Ít nhất 02 thành viên hợp danh (cá nhân)	Ít nhất 03 cổ đông (cá nhân hoặc tổ chức)
Góp vốn	Chỉ từ chủ sở hữu	Chỉ từ chủ sở hữu	Đóng góp từ chủ sở hữu Phát hành trái phiếu	Đóng góp từ thành viên hợp danh và thành viên góp vốn	Phát hành cổ phiếu Phát hành trái phiếu
Thời gian tồn tại		Dựa vào Điều lệ công ty và Giấy đăng ký chứng nhận đăng ký kinh doanh	Dựa vào Điều lệ công ty và Giấy đăng ký chứng nhận đăng ký kinh doanh	Dựa vào Điều lệ công ty và Giấy đăng ký chứng nhận đăng ký kinh doanh	Dựa vào Điều lệ công ty và Giấy đăng ký chứng nhận đăng ký kinh doanh
Yêu cầu hoạt động	Chủ doanh nghiệp tư nhân không được làm chủ doanh nghiệp tư nhân khác, hộ gia đình hoặc là thành viên hợp danh của công ty hợp danh			Thành viên hợp danh không được phép là chủ sở hữu của doanh nghiệp tư nhân hoặc là thành viên hợp danh của doanh nghiệp khác (trừ khi được sự đồng ý của các thành viên hợp danh còn lại) Thành viên hợp danh không được phép kinh doanh cùng ngành nghề với công ty mà	Phải có ít nhất 03 cổ đông sáng lập

				không vì lợi ích của công ty	
Quản lý	Quản lý cá nhân	Quản lý cá nhân (chủ sở hữu là cá nhân) Quản lý cá nhân hoặc tập thể quản lý (chủ sở hữu là tổ chức)	Quản lý tập thể	Quản lý tập thể (hội đồng thành viên) Thành viên hợp danh độc lập trong các hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty	Quản lý tập thể
Trách nhiệm	Vô hạn	Hữu hạn	Hữu hạn	Vô hạn (thành viên hợp danh) Hữu hạn (thành viên góp vốn)	Hữu hạn
Thuế	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Thuế thu nhập doanh nghiệp Thuế thu nhập cá nhân (trên lương của chủ sở hữu và lợi nhuận kinh doanh sau thuế)	Thuế thu nhập doanh nghiệp Thuế thu nhập cá nhân (lương và các lợi nhuận kinh doanh sau thuế của chủ sở hữu)	Thuế thu nhập doanh nghiệp Thuế thu nhập cá nhân (lợi nhuận kinh doanh sau thuế của thành viên góp vốn)	Thuế thu nhập doanh nghiệp Thuế thu nhập cá nhân (lợi nhuận kinh doanh sau thuế của các cổ đông)
Chuyển Giao Lợi Ích					
Giải thể	Quyết định bởi chủ sở hữu Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn Quyết định bởi chủ sở hữu	Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn Quyết định bởi hội đồng thành viên Không đủ 02 thành viên	Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn Quyết định bởi tất cả thành viên hợp danh	Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn Quyết định bởi cuộc họp đại hội đồng cổ đông

		Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Không đủ 02 thành viên hợp danh Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Không đủ 03 cổ đông Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
Quy mô phù hợp	Doanh nghiệp nhỏ và rất nhỏ	Doanh nghiệp vừa và nhỏ	Doanh nghiệp vừa và nhỏ	Doanh nghiệp vừa và nhỏ	Doanh nghiệp vừa và lớn
Tiêu biểu	Đồ dùng văn phòng, nghỉ ngơi, tạp hóa, lưu niệm.	Bán sỉ và lẻ vật tư xây dựng, chuyên chở, quy trình nông nghiệp	Sản xuất đồ gia dụng, điện tử, thiết bị xây dựng, vận tải.	Tư vấn, kế toán, thẩm định giá, quản lý tài sản.	Tín dụng ngân hàng, vận tải quốc tế, hàng không, kinh doanh bất động sản.